

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Thị trường Gia súc tuần (1/10/2021-7/10/2021)

17:04 08/10/2021 

CÁC DIỄN BIẾN QUAN TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA TUẦN 01/10-07/10/2021

Thị trường Heo	
Giao dịch Heo hơi nội địa	<ul style="list-style-type: none">- Giá heo hơi tại thị trường nội địa tuần qua tiếp tục xu hướng giảm và ghi nhận mức giá thấp nhất trong 2 năm trở lại đây. Tại miền Bắc, tình hình tiêu thụ chưa có nhiều cải thiện trong khi tồn kho heo biểu to giảm chậm, cộng thêm áp lực chuồng trại để thả heo con và áp lực tồn từ miền Trung và miền Nam đẩy bán ra Bắc ở vùng giá thấp kéo giá heo miền Bắc liên tiếp giảm trong tuần qua. Tính tới ngày cận cuối tuần, mặt bằng giá heo toàn miền còn dao động từ 34-38.000 đồng/kg. Tại miền Trung, tính đến cận cuối tuần, giá heo còn phổ biến 36-40.000 đồng/kg, mức trên 40.000 đồng/kg chủ yếu áp dụng cho bán lẻ. Mặt bằng giá heo miền Nam cũng giảm còn dưới 40.000 đồng/kg trong nửa cuối tuần, cá biệt, một số công ty lớn có xu hướng điều chỉnh giảm khá mạnh giá heo về còn 34-35.000 đồng/kg cho lái mua số lượng lớn.- Chỉ trong vòng 1 tháng trở lại đây, giá heo Việt Nam đã mất gần 25% giá trị và chưa thấy điểm tựa tích cực hỗ trợ giá khi nhu cầu tiêu thụ của khối bếp ăn tập thể/quán ăn ẩm đạm cùng lực mua vào nuôi gột tiếp tục đóng băng do giá heo giảm trong khi giá thức ăn đầu vào cao. <p>Giao dịch heo tại các chợ đầu mối/lò mổ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tại chợ đầu mối Ngọc Lũ (Hà Nam), lượng heo về chợ trong tuần qua vẫn đạt cao, từ 3.500-4.000 con. Lượng heo về chợ nhiều, chợ bán yếu nên giá heo bán tại chợ cũng chỉ còn quanh quanh 39.000 với heo đầu, giảm từ mức 43-44.000 đồng/kg ở cuối tuần trước, giá phổ biến cũng còn quanh 34-35.000 đồng/kg, giảm từ mức 38-39.000 đồng/kg của tuần trước.- Tại lò mổ Vạn Phúc, lượng heo đưa về giết mổ tiếp tục có chiều hướng giảm nhẹ so với cuối tuần trước, mỗi ngày đạt trên dưới 1.200 con, thấp hơn đáng kể so với trước mức 1.600-1.700 con/ngày như trước khi bùng dịch. Giá heo mảnh tại lò tuần qua tiếp tục giảm còn cao nhất 55.000 đồng/kg, phổ biến 50-52.000 đồng/kg.- Tại TPHCM, mặc dù lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ quanh TPHCM vào cuối tuần trước có xu hướng tăng so với tuần trước đó, trong đó riêng lò Xuân Thới Thượng tăng gấp đôi số lượng heo giết mổ khi lượng heo trung chuyển tại chợ Tân Xuân và Bình Điền tăng nhưng con số này vẫn chỉ bằng 55% so với trước khi dịch bùng phát mạnh.

<p>Thương mại</p>	<p>Nhập khẩu chính ngạch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Heo sống: Trong tuần kết thúc 4/10, có 688 con heo giống dòng cụ kỵ, bố mẹ (bao gồm 660 con cái và 28 con đực) từ Mỹ được nhập khẩu về Việt Nam, toàn bộ số heo về đợt này thuộc đơn hàng của công ty De Heus. Tính riêng heo cái giống, tổng lượng nhập về trong năm 2021 (tính từ đầu năm tới 4/10) đạt trên 12.000 con. - Thịt và phụ phẩm heo: Theo số liệu mới cập nhật, lũy kế từ đầu năm đến ngày 4/10, tổng lượng nhập khẩu thịt và phụ phẩm heo từ các thị trường về Việt Nam đạt trên 236.3 nghìn tấn, cao gấp gần 1.5 lần so với lũy kế cùng kỳ năm 2020 và cao gấp gần 2.6 lần so với lũy kế cùng kỳ năm 2019. <p>Xuất khẩu chính ngạch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Heo sống: Trong tháng 8, Việt Nam xuất khẩu tổng cộng trên 950 con heo sang Lào và Campuchia qua cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị) và cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước). - Thịt heo: Giá trị xuất khẩu thịt và phụ phẩm từ heo của Việt Nam sang các thị trường khác trong tháng 8/2021 đạt gần 2.8 triệu USD, tăng tới 25% so với tháng trước. Lượng thịt heo (mã HS 0203) xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 8/2021 đạt gần 346,3 nghìn tấn.
	<p>Biên mậu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại các cửa khẩu biên giới Long An, mặc dù giá heo Việt Nam chào lên tới biên giới giảm còn 51.000 đồng/kg nhưng lực mua từ Campuchia không mạnh, đạt trên dưới 200 con/ngày do nhu cầu tiêu thụ yếu.
<p>Thị trường Trâu/bò</p>	
<p>Giao dịch thương mại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong tuần 28/09-04/10 Việt Nam nhập khẩu gần 7,400 con trâu/bò sống, nhiều gấp 3 lần so với lượng về trong tuần trước đó, trong đó có gần 2,300 con bò cái giống nhập về từ Úc. - Với thịt trâu/bò đã qua giết mổ, trong tuần 28/09-04/10, lượng nhập khẩu về Việt Nam giảm mạnh thêm 28% so với tuần trước với trên 820 tấn thịt – mức thấp nhất nhập về theo tuần kể từ đầu năm nay.

A. THỊ TRƯỜNG HEO HƠI

1.1. THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

1.1.1. Giá cả và giao dịch nội địa

Giá heo hơi tại thị trường nội địa tuần qua tiếp tục xu hướng giảm và ghi nhận mức giá thấp nhất trong 2 năm trở lại đây. Tại miền Bắc, tình hình tiêu thụ chưa có nhiều cải thiện trong khi tồn kho heo biểu to giảm chậm, cộng thêm áp lực chuồng trại để thả heo con và áp lực tồn từ miền Trung và miền Nam đẩy bán ra Bắc ở vùng giá thấp kéo giá heo miền Bắc liên tiếp giảm trong tuần qua. Tính tới ngày cận cuối tuần, mặt bằng giá heo toàn miền còn dao động từ 34-38.000 đồng/kg. Việc giá heo miền Bắc sập sâu và nhanh nên nhu cầu đóng heo to từ miền Trung và miền Nam ra Bắc cũng dần chậm lại khi càng về cuối tuần, ngay cả với heo có giá 31-32.000 đồng/kg lên xe miền Nam. Bên cạnh dịch tả châu Phi có xu hướng nở rộ nhiều hơn tại trại dân/công ty khu vực miền Bắc có thể ảnh hưởng tới nguồn cung heo thịt trong 2 tháng cuối năm 2021 thì các trại dân cũng bắt đầu loại thải nái già/nái đẻ kém nhưng không thay thế bằng hậu bị nhằm giảm lượng nái đưa vào sinh sản. Tại miền Trung và miền Nam, kể từ cuối tuần trước, mặc dù TPHCM và nhiều tỉnh lân cận nới giãn cách xã hội nhưng phía cầu tiêu thụ thịt cũng không được cải thiện như kỳ vọng, cùng với đó, tồn kho heo biểu to cũng còn nhiều, lực bắt từ miền Bắc yếu và các chợ truyền thống/chợ đầu mối khó trở lại trạng thái như trước dịch nên giá heo cũng có xu hướng giảm trong suốt tuần qua. Theo đó, tại miền Trung, tính đến cận cuối tuần, giá heo còn phổ biến 36-40.000 đồng/kg, mức trên 40.000 đồng/kg chủ yếu áp dụng cho bán lẻ. Tại miền Nam, bên cạnh nguồn cung heo to được đẩy bán ra thị trường thì heo bán chạy dịch từ các tỉnh miền Đông và miền Tây cũng đang được bán ra khá nhiều khiến mặt bằng giá heo miền Nam giảm còn dưới 40.000 đồng/kg trong nửa cuối tuần, cá biệt, một số công ty lớn có xu hướng điều chỉnh giảm khá mạnh giá heo về còn 34-35.000 đồng/kg cho lái mua số lượng lớn do lo ngại giá heo sẽ còn tiếp tục giảm thêm vào thời gian tới do tác động cộng hưởng của dịch trên người và dịch trên heo, cùng áp lực nguồn cung heo dân/công ty ra thị trường.

Chỉ trong vòng 1 tháng trở lại đây, giá heo Việt Nam đã mất gần 25% giá trị và chưa thấy điểm tựa tích cực hỗ trợ giá khi nhu cầu tiêu thụ của khối bếp ăn tập thể/quán ăn ẩm thực cùng lực mua vào nuôi gột tiếp tục đóng băng do giá heo giảm trong khi giá thức ăn đầu vào cao.

Giao dịch heo tại các chợ đầu mối/lò mổ:

Tại **chợ đầu mối Ngọc Lũ (Hà Nam)**, lượng heo về chợ trong tuần qua vẫn đạt cao, từ 3.500-4.000 con, trong đó có cả heo từ miền Trung và miền Nam đưa ra lẫn heo dân quanh chợ bán ra mạnh (giá bán ghi nhận ở nửa cuối tuần chủ yếu vào khoảng 33-35.000 đồng/kg). Lượng heo về chợ nhiều, chợ bán yếu nên giá heo bán tại chợ cũng chỉ còn quanh quanh 39.000 với heo đầu, giảm từ mức 43-44.000 đồng/kg ở cuối tuần trước, giá phổ biến cũng còn quanh 34-35.000 đồng/kg, giảm từ mức 38-39.000 đồng/kg của tuần trước.

Tại lò mổ Vạn Phúc, lượng heo đưa về giết mổ tiếp tục có chiều hướng giảm nhẹ so với cuối tuần trước, mỗi ngày đạt trên dưới 1.200 con, thấp hơn đáng kể so với trước mức 1.600-1.700 con/ngày như trước khi bùng dịch. Giá heo mảnh tại lò tuần qua tiếp tục giảm còn cao nhất 55.000 đồng/kg, phổ biến 50-52.000 đồng/kg.

Mặc dù lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ quanh TPHCM vào cuối tuần trước có xu hướng tăng so với tuần trước đó, trong đó riêng lò Xuân Thới Thượng tăng gấp đôi số lượng heo giết mổ khi lượng heo trung chuyển tại chợ Tân Xuân và Bình Điền tăng nhưng con số này vẫn chỉ bằng 55% so với trước khi dịch bùng phát mạnh.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường nội địa (VND/kg)

Khu vực	01/10	04/10	05/10	06/10	07/10	Bình quân tuần này	Thay đổi		
							Tuần trước	Tháng Trước	Năm trước
Heo công ty									
Đồng Nai	42,500-49,500	40,500-49,500	37,500-47,500	37,500-47,500	37,500-47,500	43,700	-4,300	-8,633	-33,300
Miền Trung	37,500-50,000	37,500-50,000	35,500-45,000	35,500-45,000	35,500-45,000	41,650	-5,100	-9,433	-33,250
Miền Bắc	42,000-49,000	40,000-47,000	36,000-47,000	36,000-47,000	36,000-47,000	43,900	-3,600	-9,600	-28,300
Miền Tây	49,000	49,000	47,000	37.500-42,500	37.500-42,500	45,400	-5,600	-10,600	-31,800
Heo dân									
<i>Miền Bắc</i>									
Thái Bình	41,000-42,000	39,000-41,000	38,000-41,000	37,000-40,000	37,000-39,000	39,500	-4,700	-10,000	-31,300
Bắc Giang	40,000-42,000	38,000-41,000	36,000-40,000	36,000-39,000	36,000-38,000	38,600	-5,200	-11,567	-31,900
Hà Nội	40,000-42,000	38,000-40,000	37,000-40,000	37,000-39,000	36,000-39,000	38,800	-4,900	-11,867	-32,300
<i>Miền Trung</i>									
Nghệ An	38,000-42,000	38,000-41,000	37,000-39,000	37,000-39,000	36,000-38,000	38,500	-5,200	-13,333	

Bình Định	43,000-45,000	42,000-44,000	40,000-42,000	37,000-42,000	37,000-42,000	41,400	-4,100	-8,100	-32,400
Đắc Lắc	41,000-46,000	40,000-44,000	40,000-43,000	38,000-42,000	38,000-42,000	41,400	-4,400	10,100	29,200
Miền Nam									
Đồng Nai	38,000-43,000	38,000-42,000	36,000-41,000	36,000-41,000	36,000-41,000	39,200	5,000	-8,800	36,400
Tiền Giang	42,000-45,000	40,000-45,000	40,000-42,000	39,000-42,000	38,000-42,000	41,500	4,500	-6,500	32,600
Bến Tre	40,000-43,000	37,000-40,000	35,000-40,000	35,000-39,000	35,000-39,000	38,300	4,400	-8,700	35,400

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi tại Đồng Nai, Thái Bình và Bến Tre từ 1/2020-07/10/2021(đồng/kg)



Nguồn: CSDL AgroMonitor

Bảng 2. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa (VND/kg)

Khu vực	Tuần này	Thay đổi giá		
		Tuần trước	Tháng trước	Năm trước
<i>Heo dân loại xách tại (VND/con)</i>				
Miền Bắc (6-7kg)	1,000,000 – 1,200,000	▼ 100,000	▼ 300,000 – 400,000	▼ 2,300,000
Miền Nam	1,300,000 – 1,400,000	▼ 200,000	▼ 100,000 - 300,000	▼ 2,100,000

(7-9kg)				
Heo công ty loại xách tại 6-7kg (VND/con)				
Miền Bắc	1,200,000 – 1,300,000	▼ 100,000	▼ 400,000 - 450,000	▼ 2,200,000
Miền Nam	1,100,000 – 1,300,000	▼ 200,000	▼ 500,000	▼ 2,200,000 – 2,300,000
Heo công ty loại 20kg (VND/kg)				
Miền Bắc	110,000 – 115,000	▼ 5,000 - 10,000	▼ 10,000 - 15,000	-
Miền Nam	100,000	-	▼ 5,000 - 25,000	▼ 120,000-125,000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 3. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)

STT	Thời gian	Tổng lượng heo giết mổ tại các lò mổ TPHCM	So với công suất
Công suất của các lò mổ		15,730	-
1	Tháng 7 (2/7)	4,187	26.6%
2	Tháng 8 (15/8)	3,871	24.6%
3	Tháng 9 (3/9)	2,920	18.6%
4	Tháng 9 (10/9)	2,753	17.5%
5	Tháng 9 (17/9)	3,085	19.6%
6	Tháng 9 (24/9)	2,909	18.5%
7	Tháng 10 (2/10)	3,483	22.1%

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.1.2. Thương mại

1.1.2.1. Xuất/nhập khẩu theo chính ngạch (Tính tới ngày 04/10/2021, * số liệu sơ bộ)

· Nhập khẩu

Heo sống

- Theo số liệu sơ bộ, trong tuần kết thúc 04/10, có 688 con heo giống dòng cụ ky, bố mẹ (bao gồm 660 con cái và 28 con đực) từ Mỹ được nhập khẩu về Việt Nam, toàn bộ số heo về đợt này thuộc đơn hàng của công ty De Heus. Tính riêng heo cái giống, tổng lượng nhập về trong năm 2021 (tính từ đầu năm tới 4/10) đạt trên 12.000 con.

Bảng 4. Lượng heo cái giống nhập khẩu về Việt Nam theo chủng loại (con)

Năm	2020	2021
-----	------	------

Loại con giống		Quý 1	Quý 2	Quý 3	1/10-5/10	Tổng
Bồ mẹ	35,594	5,196	2,800	.340	-	8,336
Cụ kỵ	3,632	374	1,312	12	660	2,358
Ông bà	4,272		870	576	-	1,446
Tổng	43,498	5,570	4,982	928	660	12,140

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thịt heo và phụ phẩm

- Tổng lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu sơ bộ trong tháng 9 giảm tới 19% so với tháng trước, chiếm gần 41% tổng thị phần nhập khẩu các loại thịt trong kỳ. Cụ thể, theo số liệu sơ bộ, trong tuần từ 28/09-04/10, tổng lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tăng tới 41% so với tuần trước đó với trên 5.6 nghìn tấn thịt, trong đó lượng thịt heo (mã hs 0203) đạt trên 3.3 nghìn tấn, đưa tổng lượng nhập về sơ bộ trong tháng 9 lên gần 13.1 nghìn tấn – giảm 11% so với tháng trước, đồng thời thấp hơn 44% so với cùng năm 2020. Lũy kế từ đầu năm nay đến ngày 04/10, lượng thịt heo nhập về Việt Nam đạt trên 129.4 nghìn tấn, cao gấp 1.4 lần so với lũy kế cùng kỳ năm 2020.

Đối với chân và phụ phẩm từ heo (mã hs 0206), lượng về Việt Nam sơ bộ trong tháng 9 đạt trên 10.6 nghìn tấn, giảm 26% so với cùng kỳ tháng trước, ứng với lượng thấp hơn gần 3.8 nghìn tấn thịt. Tính chung cả thịt và phụ phẩm từ heo, lượng về từ đầu năm đến 04/10 đạt trên 236.3 nghìn tấn, cao gấp gần 1.5 lần so với lũy kế cùng kỳ năm 2020.

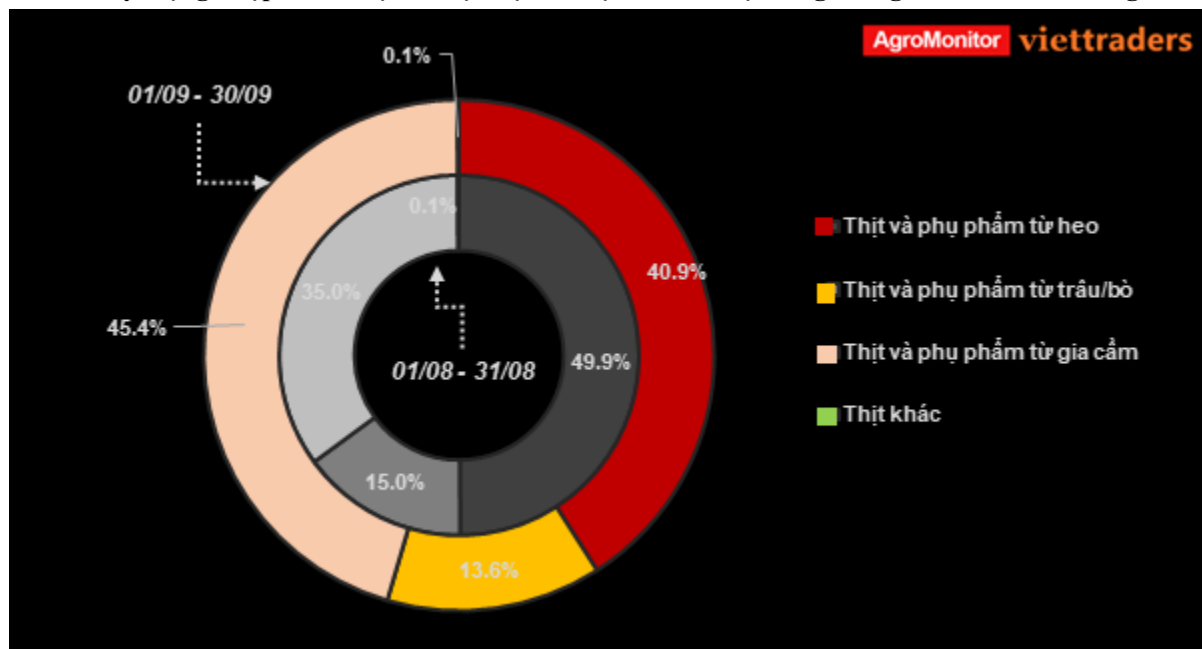
Bảng 5. Lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam theo tháng từ 1/2020-04/10/2021 (tấn)

Tháng	2020		2021	
	Thịt heo	Chân và phụ phẩm	Thịt heo	Chân và phụ phẩm
1	2,451.8	6,248.8	10,255.3	6,814.6
2	7,336.0	8,490.0	8,641.0	4,299.8
3	7,190.0	8,196.4	15,545.6	10,939.6
4	6,207.1	7,628.1	17,102.7	11,697.7
5	4,009.3	7,188.2	15,772.0	15,917.5
6	5,681.7	5,309.4	17,762.9	16,980.3
7	13,159.4	8,164.4	14,815.8	14,110.0
8	19,818.7	9,887.5	14,632.0	14,416.6
9	23,478.2	9,979.9	13,058.5	10,624.6
10	20,603.5	9,332.5	1,823.7	1,072.1
11	16,003.1	6,135.8	-	-
12	11,430.4	5,645.2	-	-
Tổng	137,369.3	92,206.2	129,447.9	106,872.9

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Xét tương quan lượng thịt và phụ phẩm nhập khẩu giữa heo, gia cầm và trâu/bò, tổng lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam sơ bộ trong tháng 9 ước đạt gần 23,7 nghìn tấn, giảm tới 19% so với tháng trước, chiếm gần 41% tổng thị phần nhập khẩu các loại thịt trong kỳ.

Hình 2. Tỷ trọng nhập khẩu một số loại thịt về Việt Nam sơ bộ trong tháng 9/2021 so với tháng trước



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

· Xuất khẩu

Heo sống

- Trong tháng 8, Việt Nam xuất khẩu tổng cộng trên 950 con heo sang Lào và Campuchia. Cụ thể, trong tháng có 220 con heo cái hậu bị từ công ty TNNH Greenfarm Asia được vận chuyển thông qua Cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị) sang Lào, đồng thời công ty CP Chăn nuôi C.P cũng đưa sang Campuchia 736 con heo cái giống Landrace & Yorkshire thông qua cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước).

Bảng 6. Lượng heo giống Việt Nam xuất khẩu từ tháng 6-8/2021 (con; USD/con)

Nước nhập khẩu	Phân loại	Lượng (con)	Đơn giá (USD/con)	Cảng xuất khẩu
Tháng 6				
<i>Campuchia</i>	Heo cái giống	234	447	Cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước)
	Heo đực giống	12	1.002	Cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước)

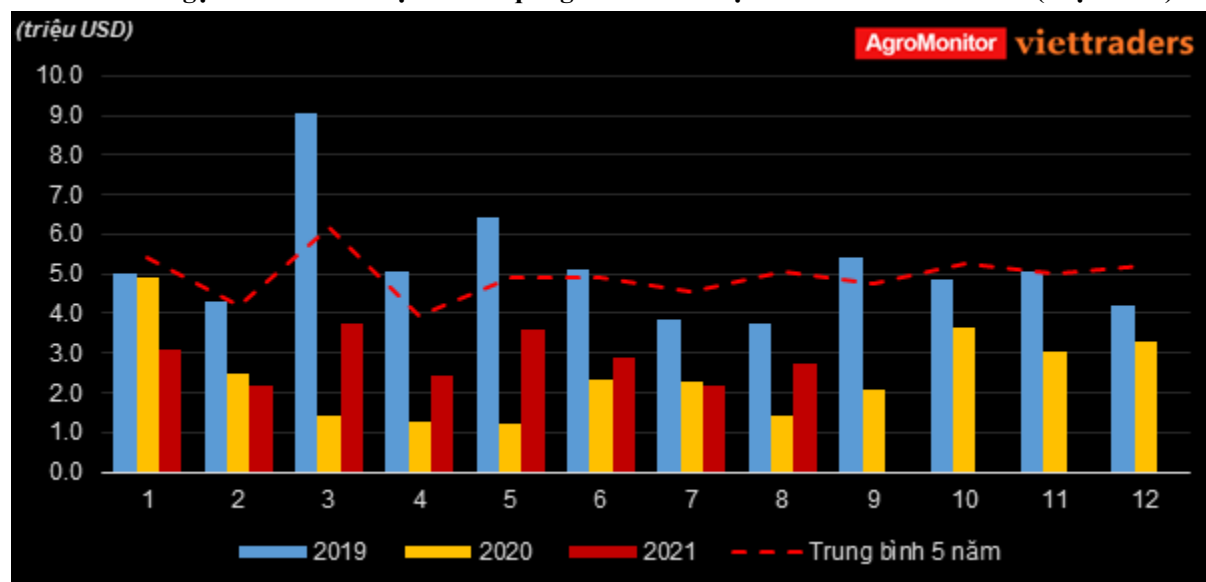
Tháng 8				
<i>Campuchia</i>	Heo cái giống	736	403	Cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước)
<i>Lào</i>	Heo cái giống	220	373	Cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị)
Tổng		1.202	-	-

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thịt heo

- Giá trị xuất khẩu thịt và phụ phẩm từ heo của Việt Nam sang các thị trường khác trong tháng 8/2021 đạt gần 2.8 triệu USD, tăng tới 25% so với tháng trước (tương đương với mức tăng gần 0.6 triệu USD). Hồng Kông tiếp tục là thị trường nhập khẩu thịt heo đã qua giết mổ lớn nhất của Việt Nam trong tháng 7 với kim ngạch nhập khẩu chiếm tới trên 99% thị phần. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu thịt heo đã qua giết mổ của Việt Nam ước đạt trên 22,9 triệu USD, tăng 32% so với lũy kế cùng kì năm trước tuy nhiên thấp hơn so với mức trung bình của 5 năm (2016-2020) tới 41%.

Hình 3. Kim ngạch xuất khẩu thịt heo đã qua giết mổ của Việt Nam năm 2019-8/2021 (triệu USD)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

- Về lượng xuất khẩu, lượng thịt heo (mã HS 0203) xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 8/2021 đạt gần 346,3 nghìn tấn. Trong đó, lượng xuất khẩu chủ yếu là thịt heo đông lạnh nguyên con với giá bán tùy thuộc vào trọng lượng heo được đóng gói, các lô hàng chủ yếu đều có điểm đến là Hồng Kông thông qua các cảng biển thuộc cụm cảng Hải Phòng. Bên cạnh đó, trong tháng cũng có một lượng nhỏ thịt bụng heo được xuất khẩu sang Lào thông qua cửa khẩu Cha Lo (Quảng Bình) với đơn giá xuất khẩu trung bình 3.5 USD/kg (ĐKGH DAF).

Bảng 7. Một số đơn hàng lớn xuất khẩu thịt heo (mã HS 0203) của Việt Nam trong tháng 8/2021

Ngày	Loại heo đóng gói	Cảng xuất khẩu	ĐKGH	Lượng (kg)	Đơn giá (USD/kg)
21/08/21	Heo size 17kg	Cảng Nam Hải	CFR	27,013	9.0
13/08/21	Heo size 27-33kg	Cảng Hải An	CFR	27,000	4.0
16/08/21	Heo size 27-33kg	Cảng Nam Hải	CFR	27,000	4.0
26/08/21	Heo size 27-33kg	Cảng Nam Hải	CFR	27,000	4.0
02/08/21	Heo size 27-33kg	Cảng Hải An	CFR	27,000	4.0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.1.2.2. Xuất/nhập khẩu theo đường biên mậu

Với Campuchia

- Tại các cửa khẩu biên giới Long An, mặc dù giá heo Việt Nam chào lên tới biên giới giảm còn 51.000 đồng/kg nhưng lực mua từ Campuchia không mạnh, đạt trên dưới 200 con/ngày do nhu cầu tiêu thụ yếu.

1.2. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

1.2.1. Trung Quốc

Thương mại

- Lượng heo giống Trung Quốc nhập khẩu về trong năm 2021 có xu hướng giảm dần trong những tháng cuối năm. Theo số liệu thống kê sơ bộ, trong năm 2021 tới ngày 29/09, Trung Quốc đã nhập khẩu tổng cộng 14.848 con heo giống, giảm 8,76% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó lượng nhập về trong nửa đầu năm cao hơn đáng kể so với giai đoạn Quý 3 – khi giá heo hơi sụt giảm mạnh. Trong năm 2020, Trung Quốc đã nhập khẩu 30.732 con heo giống về 20 công ty chăn nuôi, góp phần vào quá trình tái đàn mạnh mẽ trong năm qua, trên 70% lượng heo này được nhập khẩu về trong giai đoạn cuối năm, trái ngược với xu hướng giảm của năm 2021.

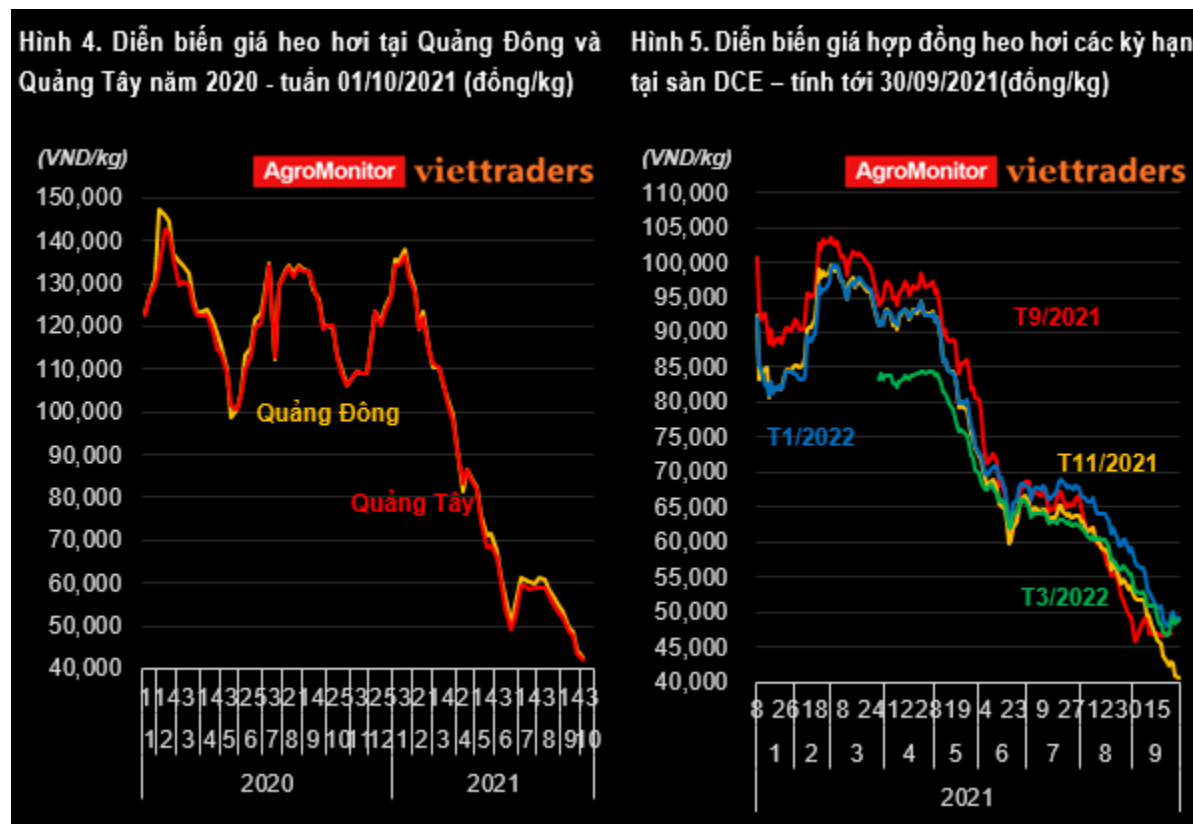
- Trung Quốc giảm mua thịt heo từ Mỹ trong tuần cuối tháng 9 sau khi tăng mạnh vào tuần trước đó. Theo số liệu từ Bộ NN Mỹ, trong tuần kết thúc vào 30/09, Trung Quốc chỉ mua thêm trên 160 tấn thịt heo từ Mỹ trong khi Mỹ tiếp tục xuất khẩu gần 4.200 tấn đi Trung Quốc, nâng tổng lượng thịt heo Trung Quốc mua của Mỹ từ đầu năm đạt trên 376.000 tấn, giảm mạnh 45% so với cùng kỳ năm 2020.

Diễn biến giá heo hơi

- Do thiếu các trợ lực về cầu tiêu thụ trong khi nguồn cung heo ra thị trường tăng nên giá heo Trung Quốc chính thức mất mốc 11 tệ/kg trong tuần qua. Trong tuần, Trung Quốc bước vào kỳ nghỉ lễ Quốc khánh dài ngày khiến nhu cầu tiêu thụ sụt giảm trong khi nguồn cung heo trên thị trường vẫn ở mức cao khiến mặt bằng giá liên tiếp được kéo giảm và chạm mức thấp nhất kể từ tháng 5/2018. Bình quân tuần này, giá heo hơi Trung Quốc chỉ còn 10.86 tệ/kg, tương đương trên 38,000 đồng/kg, giảm khoảng 2,000 đồng/kg so với bình quân tuần

trước. **Tại miền Nam Trung Quốc**, đà giảm của giá heo có phần chậm hơn so với bình quân tuần trước, mặt bằng giá trong ngày cận cuối tuần thu hẹp lại còn quanh 11.8 tẻ/kg, tương đương 42,000 đồng/kg, không biến động nhiều so với cùng thời điểm tuần trước.

- Sản Đại Liên nghỉ lễ Quốc khánh kể từ đầu tháng 10 nên không ghi nhận giao dịch.



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Diễn biến giá heo con

Thị trường Trung Quốc nghỉ lễ Quốc khánh từ 01/10-07/10.

Bảng 8. Bảng giá giao dịch heo con tại Trung Quốc (tẻ/kg ~ đồng/kg, đồng/con)

Khu vực	Tuần trước 01/10	Biến động giá 1 tuần	Biến động giá 1 tháng	Biến động giá 1 năm	Quy đổi VND/kg	Quy đổi VND/con*
Vùng Đông Bắc	16.27	▼2.68	▼4.79	▼72.33	57,000	399,000
Miền Bắc	17.94	▼2.90	▼5.47	▼74.09	63,000	441,000
Miền Đông	20.10	▼2.91	▼6.57	▼74.11	71,000	497,000
Miền Trung	20.03	▼2.74	▼5.76	▼77.87	71,000	497,000
Miền Nam	21.68	▼3.22	▼6.75	▼77.57	76,000	532,000
Vùng Tây Nam	20.36	▼2.23	▼5.07	▼75.30	72,000	504,000

Vùng Tây Bắc	18.65	▼2.80	▼5.40	▼73.35	66,000	462,000
Giá trung bình cả nước	19.47	▼2.77	▼5.43	▼74.60	69,000	483,000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: * ước tính với heo giống biểu 7kg/con)

1.2.2. Thái Lan và Campuchia

Thương mại

- **Lượng heo sống Thái Lan xuất khẩu sang các thị trường vẫn chưa có nhiều cải thiện.** Trong tuần kết thúc 02/10, lượng heo sống Thái Lan xuất khẩu vẫn đạt thấp tương đương so với tuần trước đó, trong đó lượng đưa sang Campuchia chỉ đạt khoảng 500 con/ngày và khoảng 300 con/ngày sang Trung Quốc.

Bảng 9. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)

Thị trường xuất khẩu	Tuần kết thúc 25/09	Tuần kết thúc 02/10	Thay đổi	Ghi chú
Campuchia	500	500	-	Toàn bộ là heo thịt
Lào	-	-	-	
Trung Quốc	300	300	-	Toàn bộ là heo nuôi
Myanmar	-	-	-	
Việt Nam	-	-	-	

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

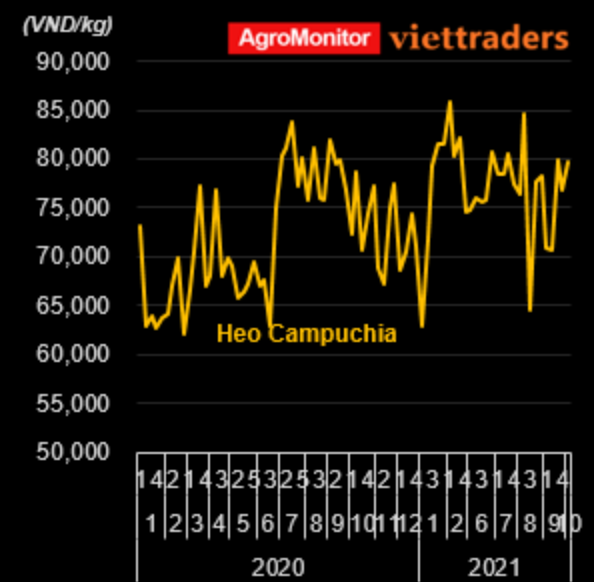
Diễn biến giá

- **Giá heo hơi Thái Lan có chiều hướng cải thiện hơn trong tuần qua.** Với việc mở cửa trở lại các hàng quán và dịch vụ ăn uống, tiêu thụ heo Thái Lan có phần tốt hơn hỗ trợ mặt bằng giá heo nhiều khu vực không điều chỉnh giảm thêm mà nhích nhẹ trở lại, làm tăng triển vọng giá heo hơi phục trong những tháng cuối năm.

Hình 6. Diễn biến giá heo hơi Thái Lan - tính tới tuần 01 tháng 10/2021 (đồng/kg)



Hình 7. Diễn biến giá heo hơi Campuchia - tính tới tuần 01 tháng 10/2021 (đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.2.3. Mỹ và Brazil

Sản xuất

- Sản lượng thịt heo Mỹ có chiều hướng giảm nhẹ vào tuần trước. Lượng heo đưa vào giết mổ giảm nhẹ đưa sản lượng thịt heo Mỹ ước tính sản xuất trong tuần kết thúc vào 02/10 giảm nhẹ 1,8% so với tuần trước đó với 240,2 nghìn tấn thịt. Như vậy, trong năm 2021 lũy kế tới ngày 02/10, tổng sản lượng thịt heo tại Mỹ ước đạt trên 9,3 triệu tấn, giảm nhẹ 1,8% so với lũy kế cùng kỳ năm 2020.

Thương mại

- Lượng thịt heo Mỹ bán mới trong tuần kết thúc 30/09 giảm mạnh, trong đó lượng mua từ Trung Quốc chỉ vớt vạt khoảng 160 tấn. Nhu cầu mua thịt heo Mỹ giảm mạnh từ thị trường Trung Quốc và Mexico khiến tổng lượng bán mới của Mỹ trong tuần kết thúc 30/09 giảm mạnh 48% so với tuần trước đó với trên 22.100 tấn, trong đó lượng bán cho Mexico đạt trên 16.000 tấn (giảm 22%). Đồng thời, tại kênh xuất khẩu, lượng thịt heo rời cảng Mỹ trong tuần kể trên giảm nhẹ 4% với gần 29.000 tấn vẫn chủ yếu sang Mexico, Nhật Bản và Trung Quốc. Như vậy, trong năm 2021 lũy kế tới ngày 30/09, Mỹ đã bán tổng cộng gần 1,57 triệu tấn thịt heo cho các thị trường, giảm 11,3% so với lũy kế cùng kỳ năm trước, đồng thời trong kỳ Mỹ cũng đã ký bán thêm 489 tấn thịt heo cho niên vụ 2022.

Diễn biến giá

- Giá heo Mỹ có xu hướng giảm lại kể từ giữa tuần này do nhu cầu thịt heo yếu hơn từ các thị trường xuất khẩu. Trong tuần, giá heo nạc CME liên tiếp giảm trong 3 phiên do nhu cầu tiêu thụ lo ngại giảm mạnh tại kênh xuất khẩu, bên cạnh đó do ảnh hưởng từ sự đi lên của giá trâu/bò các loại trên sàn, lực mua kỹ thuật của các nhà đầu cơ với hợp đồng trâu/bò hơi và trâu/bò vỗ béo khiến nhu cầu với heo nạc trên sàn cũng yếu hơn.



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.2.4. Thị trường heo các nước khác

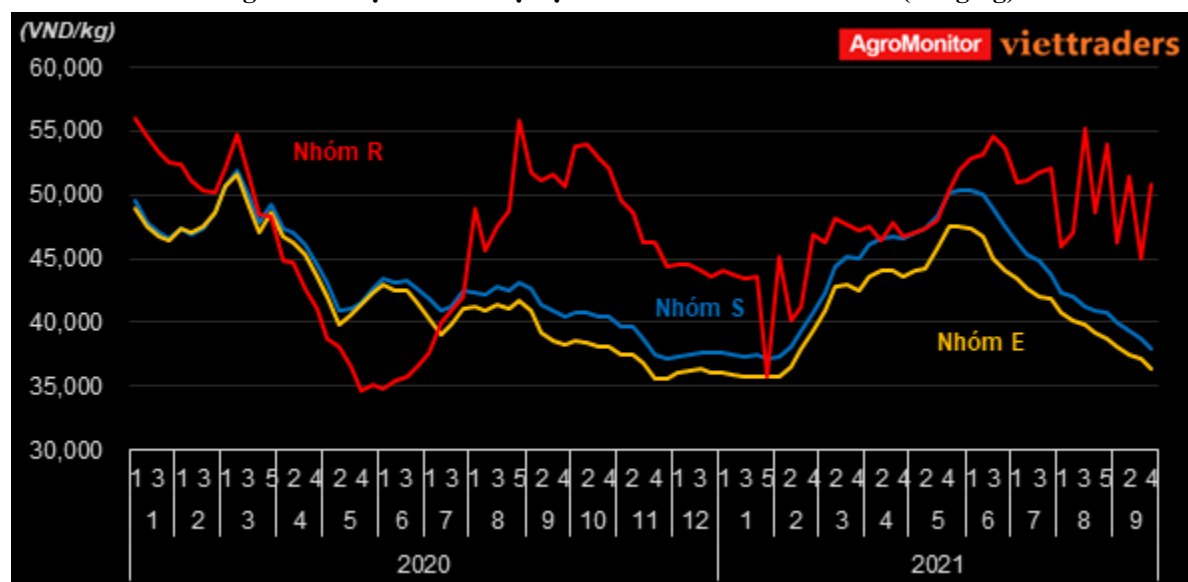
EU

Sản xuất

- Trên 70% số hộ chăn nuôi heo tại Đức có thể sẽ rút lui khỏi thị trường trong vòng 10 năm tới. Theo kết quả khảo sát được Hiệp hội Chăn nuôi Đức cho biết vào 28/09, trên 70% số hộ chăn nuôi heo có kế hoạch sẽ rút lui khỏi thị trường trong vòng 10 năm tới trong bối cảnh giá heo hơi toàn cầu sụt giảm và vẫn chưa có nhiều điểm sáng hồi phục. Nguyên nhân khiến ngành chăn nuôi heo tại Đức rơi vào tình trạng suy thoái nặng nề dù thịt heo là loại thịt phổ biến tại nước này do: (1) Tiêu thụ nội địa tại Đức có xu hướng sụt giảm, tỷ lệ người ăn chay tại nước này đã tăng từ 5% trong năm 2020 lên 10% vào năm 2021, đồng thời xu hướng tiêu dùng của người dân cũng đang dần chuyển dịch sang các sản phẩm thay thế khác như thịt gia cầm/thịt bò/thịt cừu; (2) Đức là một trong hai quốc gia xuất khẩu thịt heo sang Trung Quốc lớn nhất trong khối Liên minh Châu Âu EU, sau khi dịch tả heo châu Phi bùng phát, kênh xuất khẩu thịt heo Đức gần như đóng băng, ảnh hưởng trầm trọng tới ngành công nghiệp sản xuất thịt heo.

Diễn biến giá

Hình 10. Diễn biến giá thân thịt heo các loại tại EU – tính tới tuần 39/2021 (đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

(Ghi chú: Thân thịt heo loại S có độ nạc >60%; loại E độ nạc từ 55-60% và loại R có độ nạc từ 45-50%)

1.3. TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chỉ tiêu	Diễn giải
Thị trường Việt Nam	
Thông tin thị trường/Giao dịch heo hơi	<p><i>Ngắn hạn:</i></p> <p>+ Nguồn cung heo dân có xu hướng vẫn hơn sau khi đẩy mạnh bán trong thời gian qua cùng lượng tiêu thụ được kỳ vọng sẽ tốt hơn khi mức độ phủ vắc xin tại các tỉnh phía Bắc rộng hơn và số ca nhiễm mới giảm mạnh khiến thương lái nhận định giá heo miền Bắc có thể giảm thêm chút nữa rồi đảo chiều tăng lại vào cuối tháng 10, đầu tháng 11. Tuy nhiên, cũng giống như Trung Quốc, nguồn cung heo tại Việt Nam có dấu hiệu dư thừa so với nhu cầu tiêu thụ nên giá sẽ khó tăng mạnh như kỳ vọng, dao động quanh mức 40.000 đồng/kg trong những tháng cuối năm 2021. Tại miền Trung, áp lực tồn kho tăng có thể kéo mặt bằng giá heo khu vực này giảm tiếp trong thời gian tới. Tại miền Nam, tiêu thụ thịt heo tại TPHCM và các tỉnh lân cận có xu hướng tăng trở lại khi các chợ truyền thống được mở lại nhiều hơn trong bối cảnh số ca nhiễm mới vẫn đang trên đà giảm có thể trợ lực cho giá heo khu vực này không giảm sâu thêm với heo trong chuẩn.</p>
	<p><i>Dài hạn:</i></p> <p>- Trong bối cảnh nguồn cung heo từ các trại dân và công ty ra thị trường tiếp tục tăng trong những tháng cuối năm 2021, đầu năm 2022 sau khi đàn heo nái của Việt Nam tăng mạnh từ cuối năm 2019 và nguồn cung thịt nhập khẩu tăng gần gấp đôi thì các</p>

	thương nhân không còn quá lạc quan về triển vọng giá heo ở vùng trên 50.000 đồng/kg ngay cả khi nhu cầu tiêu thụ phục hồi trở lại.
Thị trường thế giới	
Giao dịch heo hơi	<p>+ Giá heo hơi Trung Quốc có xu hướng đi lên trong tuần tới. Với mức giảm mạnh hiện tại, giá heo hơi Trung Quốc khó có thể giảm sâu khi người chăn nuôi đã chịu mức thua lỗ nặng nề trong khi giá cám có chiều hướng tăng tiếp, các cơ quan của Bộ Nông nghiệp có thể sẽ thực hiện giám sát giá chặt chẽ và có thêm những động thái để kìm lại đà giảm của giá heo, giảm bớt gánh nặng cho những doanh nghiệp chăn nuôi/hộ chăn nuôi. Giá heo được kỳ vọng đã chạm đáy và đi lên trong Quý 4 này, khi đợt thu mua dự trữ dự kiến sẽ diễn ra vào 10/10 cùng với nền nhiệt mát mẻ hơn trên khắp cả nước giúp nhu cầu tiêu thụ có khả năng sẽ tốt hơn.</p> <p><i>Trong dài hạn:</i> Với việc nỗ lực đẩy mạnh kiểm soát đàn heo nái, nguồn cung heo ra thị trường trong năm 2022 nhiều khả năng sẽ giảm lại và duy trì sự ổn định của cán cân cung-cầu, có thể sẽ khiến mặt bằng giá heo từng bước hồi phục.</p> <p>+ Thái Lan bước vào lễ hội ăn chay, nhu cầu tiêu thụ có thể sẽ yếu hơn trong ngắn hạn. Mặc dù tuần qua giá heo Thái Lan có dấu hiệu hồi phục trở lại, tuy nhiên kênh xuất khẩu heo vẫn chưa được cải thiện cùng với việc lễ hội ăn chay diễn ra trên khắp cả nước trong 10 ngày khiến nhu cầu tiêu thụ nội địa có khả năng yếu hơn, kìm lại đà tăng của giá heo. Dự kiến lễ hội ăn chay Thái Lan kết thúc vào ngày 19-20/10.</p>

B. THỊ TRƯỜNG TRÂU/BÒ

2.1. THƯƠNG MAI

2.1.1. Nhập khẩu trâu bò sống

- **Kim ngạch nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam sơ bộ trong tháng 9/2021 giảm 27% so với tháng trước.** Theo số liệu thống kê sơ bộ, tổng giá trị nhập khẩu trâu/bò sống của Việt Nam trong tháng 9 đạt trên 49.4 triệu USD, giảm gần 27% so với cùng kỳ tháng trước, tuy nhiên mức này vẫn cao hơn cùng kỳ năm trước gần 13%. Riêng với bò sống, kim ngạch nhập khẩu về Việt Nam sơ bộ trong tháng 9 ước đạt gần 48.7 triệu USD và gần 1.4 triệu USD trong 4 ngày đầu tháng 10, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu bò sống của Việt Nam trong năm 2021 lũy kế tới ngày 04/10 đạt trên 412.8 triệu USD, giảm 16% so với cùng kỳ năm 2020.

- **Xét về lượng, trong tuần 28/09-04/10 Việt Nam nhập khẩu gần 7,400 con trâu/bò sống, nhiều gấp 3 lần so với lượng về trong tuần trước đó.** Trong tuần kể trên, có gần 4,300 con trâu/bò thịt được nhập về từ Thái Lan qua cửa khẩu Cha Lo (Quảng Bình) và cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị), lượng còn lại lên tới 2,300 con bò cái giống và trên 800 con bò thịt khác được đưa về từ Úc thông qua cảng Hòn La (Quảng Bình) và cảng Tân

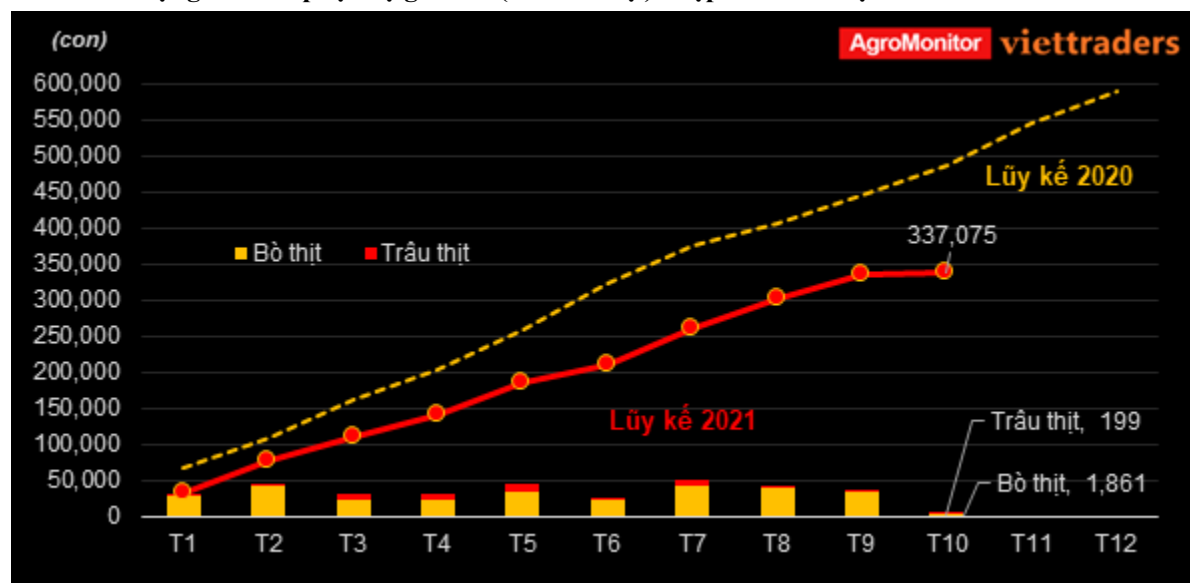
Cảng – miền Trung. Như vậy, tính chung cả trâu/bò giống và trâu/bò thịt, trong năm 2021 tới ngày 04/10, Việt Nam đã nhập về tổng cộng gần 352,200 con, giảm 23% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lượng nhập từ Thái Lan chiếm 51% thị phần.

Bảng 10. Lượng bò giống nhập khẩu về Việt Nam theo chủng loại (con)

Năm	2020	2021					
		Quý 1	Quý 2	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tổng
Bò cái	8,164	-	4,337	1,809	2,689	2,276	11,111
Bò đực	30	5	-	-	-	-	5
Bò sữa	4,618	4,004	-	-	-	-	4,004
Tổng	12,812	4,009	4,337	1,809	2,689	2,276	15,120

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 11. Lượng trâu/bò phục vụ giết mổ (trâu/bò thịt) nhập khẩu về Việt Nam từ 2020 – 04/10/2021 (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

2.1.2. Nhập khẩu thịt trâu/bò đã qua giết mổ

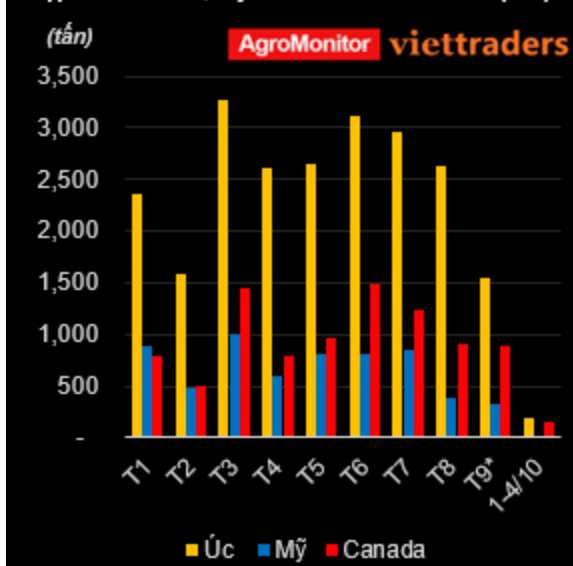
- Với thịt trâu/bò đã qua giết mổ, trong tuần 28/09-04/10, lượng nhập khẩu về Việt Nam giảm mạnh thêm 28% so với tuần trước với trên 820 tấn thịt – mức thấp nhất nhập về theo tuần kể từ đầu năm nay. Như vậy, trong năm 2021 lũy kế tới ngày 04/10, Việt Nam đã nhập về trên 105,100 tấn thịt trâu/bò, tăng tới 32% so với cùng kỳ năm 2020, tương ứng với lượng tăng trên 25,200 tấn thịt. Ngoài phần thịt, lượng phụ phẩm từ trâu/bò (mã hs 0206) nhập khẩu về Việt Nam sơ bộ trong tháng 9 đạt trên 1,200 tấn cùng trên 200 tấn trong 4 ngày đầu tháng 10, đưa tổng lượng thịt và phụ phẩm từ trâu/bò nhập khẩu về Việt Nam trong năm 2021 tới ngày 04/10 đạt trên 124,500 tấn, cao gấp gần 1,4 lần so với lũy kế cùng kỳ năm 2020.

Bảng 11. Lượng thịt và phụ phẩm từ trâu/bò nhập khẩu về Việt Nam từ 2020 – 04/10/2021 (tấn)

Năm	Tháng	Thịt và phụ phẩm từ bò	Thịt và phụ phẩm từ trâu	Tổng
2020	1	3,103.1	7,218.7	10,321.8
	2	3,468.5	8,852.2	12,320.7
	3	3,530.3	5,670.6	9,201.0
	4	2,739.6	3,878.7	6,618.3
	5	3,266.5	2,881.3	6,147.7
	6	3,151.1	5,050.2	8,201.2
	7	3,758.0	7,130.1	10,888.1
	8	3,947.5	9,846.8	13,794.3
	9	4,522.3	9,781.9	14,304.2
	10	4,741.0	6,670.9	11,411.9
	11	5,393.6	5,426.4	10,820.0
	12	6,234.5	6,005.4	12,239.8
		Tổng	47,856.2	78,412.9
2021	1	4,642.2	11,548.3	16,190.5
	2	3,007.4	10,765.2	13,772.6
	3	6,515.0	11,144.7	17,659.7
	4	5,006.6	10,100.8	15,107.4
	5	6,018.9	9,841.9	15,860.8
	6	6,747.7	9,882.3	16,629.9
	7	6,099.8	5,012.1	11,111.9
	8	4,492.8	4,119.5	8,612.3
	9*	3,427.2	4,466.6	7,893.8
	1-4/10	484.4	1,201.7	1,686.1
		Tổng	46,441.8	78,083.1

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: * số liệu sơ bộ)

Hình 12. Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ bò nhập khẩu từ Úc, Mỹ và Canada năm 2021 (tấn)



Hình 13. Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ trâu nhập khẩu từ Ấn Độ trong năm 2021 (tấn)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: * số liệu sơ bộ)

2.1.3. Xuất khẩu thịt trâu/bò

Trâu/bò sống

- Trong tháng 8/2021, Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu bò sang Lào, gồm cả bò con và bò trưởng thành để làm giống. Cụ thể, theo số liệu thống kê, trong tháng đã có tổng cộng 688 con bò thông qua cửa khẩu Quốc tế Bờ Y (Kon Tum) được đưa từ Việt Nam sang Lào, bao gồm 300 con bò giống (cả giống cái và giống đực), 238 con bò con cùng 150 con bò khác.

Bảng 12. Lượng bò giống Việt Nam xuất khẩu trong tháng 7-8/2021 (con; USD/con)

Nước nhập khẩu	Phân loại	Lượng (con)	Đơn giá (USD/con)	Cảng xuất khẩu
Tháng 7		810	-	-
<i>Lào</i>	Bò cái giống	653	1.572	Cửa khẩu QT Bờ Y (Kon Tum)
	Bò đực giống	7	3.304	Cửa khẩu QT Bờ Y (Kon Tum)
<i>Papua New Guinea</i>	Bò cái giống	140	1.571	Cửa khẩu QT Bờ Y (Kon Tum)
	Bò đực giống	10	3.303	Cửa khẩu QT Bờ Y (Kon Tum)
Tháng 8		538	-	-

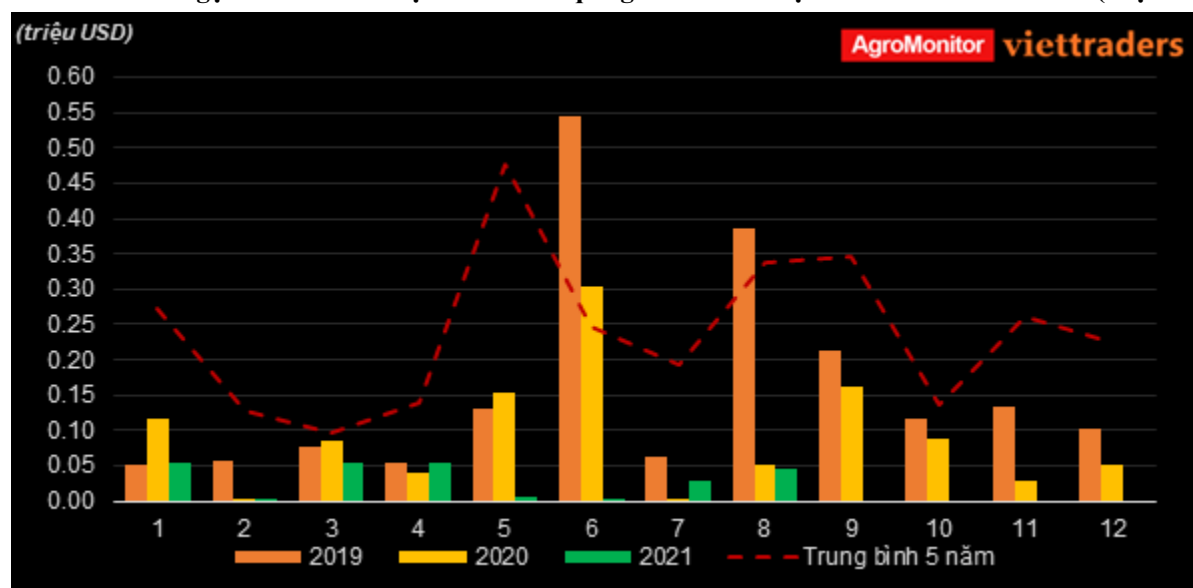
Lào	Bò cái giống	280	1.574	Cửa khẩu QT Bờ Y (Kon Tum)
	Bò cái con	220	728	Cửa khẩu QT Bờ Y (Kon Tum)
	Bò đực giống	20	3.310	Cửa khẩu QT Bờ Y (Kon Tum)
	Bò đực con	18	728	Cửa khẩu QT Bờ Y (Kon Tum)
Tổng		1,348	-	-

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thịt trâu/bò

- Về thịt và phụ phẩm từ trâu/bò, trong tháng 8/2021 lượng xuất khẩu từ Việt Nam nhích tăng lên gần 6.200 tấn. Giá trị xuất khẩu thịt trâu/bò đã qua giết mổ của Việt Nam trong tháng 8 theo đó cũng tăng lên 45,7 nghìn USD, tăng mạnh gấp 1.5 lần so với tháng trước. Trong tháng, Cam-pu-chia tiếp tục là thị trường nhập khẩu chính thịt trâu/bò từ Việt Nam, đưa tổng kim ngạch thịt trâu/bò Việt Nam xuất khẩu sang quốc gia này trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt gần 179 nghìn USD, giảm 30% so với lũy kế cùng kỳ năm 2020.

Hình 14. Kim ngạch xuất khẩu thịt trâu/bò đã qua giết mổ của Việt Nam năm 2019-8/2021 (triệu USD)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

2.2. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

2.2.1. Úc

Sản xuất

- **Hoạt động sản xuất thịt bò và thịt bê Úc tiếp tục có xu hướng chậm lại.** Trong tuần kết thúc 01/10, lượng bò Úc đưa vào giết mổ giảm nhẹ thêm so với tuần trước đó với gần 97 nghìn con, đồng thời lượng bê đưa vào giết mổ cũng giảm còn quanh 3.700 con, đưa tổng lượng bò và bê Úc giết mổ trong tuần kể trên giảm thêm gần 2% so với tuần kết thúc 24/09.

Thương mại

- **Mức xuất khẩu thịt bò và thịt bê Úc trong tháng 9/2021 vẫn đạt cao, trung bình đạt gần 2.700 tấn/ngày.** Trong tháng 9/2021, Úc đã xuất khẩu ra thị trường trên 79.800 tấn thịt bò và thịt bê các loại, tăng nhẹ 3% so với tháng trước với mức trung bình gần 2.700 tấn/ngày. Như vậy, trong năm 2021 lũy kế tới ngày 30/09, lượng thịt bò và thịt bê Úc xuất khẩu đạt gần 660.600 tấn, trong đó lượng sang các nước châu Á vẫn chiếm phần lớn với gần 78%, riêng lượng sang Nhật Bản đạt gần 178.000 tấn. Đối với thịt trâu, trong tháng 9, tổng lượng xuất khẩu của Úc đạt trên 44,9 tấn sang Hàn Quốc.

Diễn biến giá

- **Xu hướng tăng kéo dài với bò thiến cỡ lớn tại Úc trong tuần qua.** Trái ngược với xu hướng đi xuống của giá bò thiến nuôi, giá bò thiến cỡ lớn tại Úc có xu hướng tăng lên khi nhu cầu loại bò này cho các cơ sở giết mổ tăng cao.



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

(Ghi chú: Bò thiến to: 500-600kg; Bò thiến nuôi vỗ béo: 330-400kg; Bò cái trung: 400-520kg)

2.2.2. Mỹ

Sản xuất

- **Hoạt động sản xuất thịt trâu/bò Mỹ tiếp tục ổn định.** Ước tính trong tuần kết thúc vào ngày 02/10, sản lượng thịt bò sản xuất tại Mỹ giảm rất nhẹ 0,3% so với tuần trước đó với 238,7 nghìn tấn, đưa tổng lượng sản xuất trong năm 2021 lũy kế tới ngày 02/10 đạt gần 9,4 triệu tấn thịt, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2020.

Thương mại

- **Nhu cầu thịt bò Mỹ tại các thị trường có chiều hướng giảm.** Trong tuần kết thúc 30/09, lượng thịt bò Mỹ bán mới cho các thị trường đạt trên 15.600 tấn, giảm nhẹ 3% so với tuần trước đó do sự giảm mua từ Nhật Bản và Hàn Quốc. Đồng thời, tại kênh xuất khẩu, lượng thịt bò Mỹ xuất khẩu cũng giảm tới 15% với 15.700 tấn, trong đó lượng sang Nhật Bản là 4.700 tấn (giảm 15%), Hàn Quốc là 3.700 tấn (giảm 24%) và 4.200 tấn sang Trung Quốc (tăng 20%). Lũy kế trong năm 2021 tới ngày 30/09, tổng lượng thịt bò Mỹ bán cho các thị trường đạt gần 896.600 tấn, tăng trên 14% so với lũy kế cùng kỳ năm 2020.

Diễn biến giá

- **Sau khi giảm mạnh vào tuần cuối tháng 9, giá trâu/bò Mỹ tại sàn Chicago có diễn biến tăng trở lại.** Với trâu/bò hơi lẫn trâu/bò vỗ béo, giá hợp đồng các kỳ hạn tiếp tục giảm thêm vào phiên giao dịch đầu tháng 10 sau đó tăng liên tiếp trở lại nhờ lực mua kỹ thuật được thúc đẩy bởi kỳ vọng nhu cầu thịt bò tăng lên tại kênh xuất khẩu.

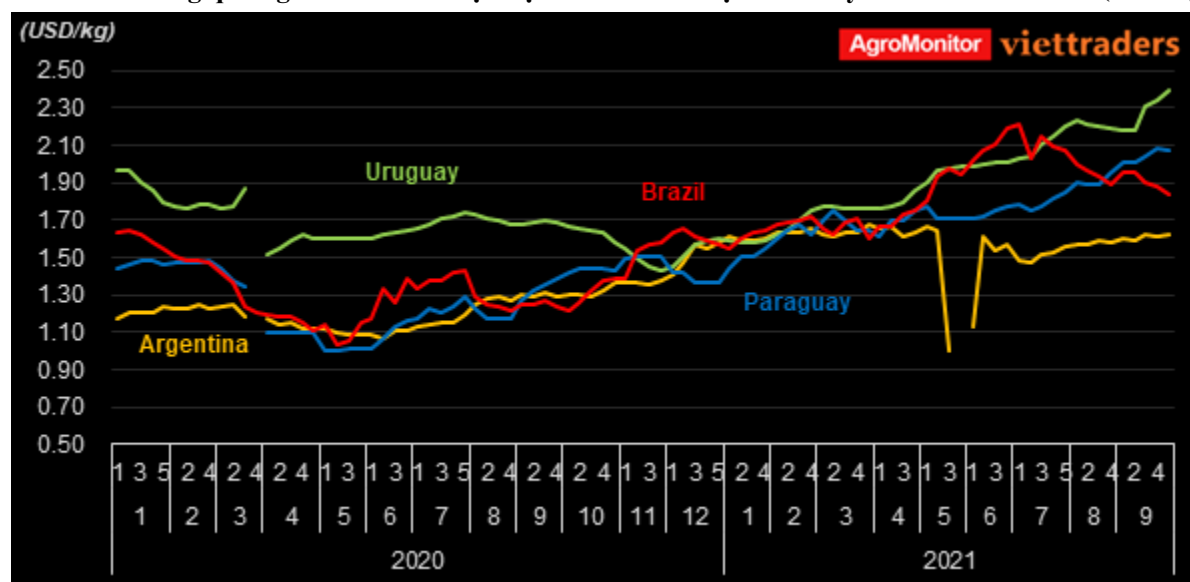


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

2.2.3. Các nước Nam Mỹ

Diễn biến giá

Hình 19. Tương quan giá trâu/bò hơi tại một số nước khu vực Nam Mỹ từ 2020-01/10/2021 (USD/kg)



Nguồn: Hiệp hội các nhà xuất khẩu thịt Argentina

C. PHỤ LỤC

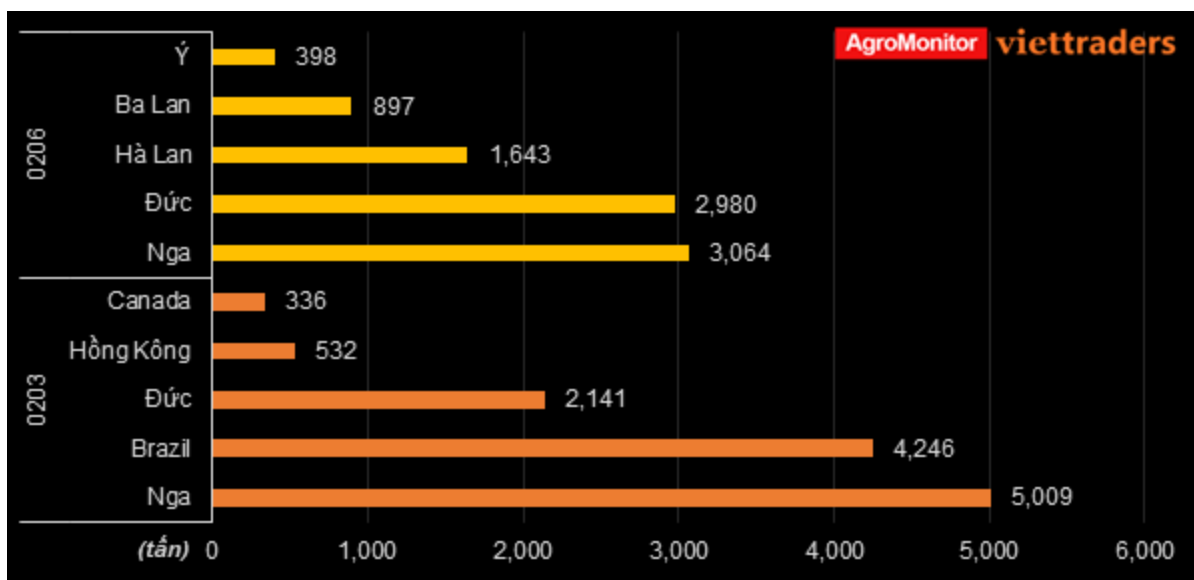
1. Thương mại heo

Bảng 13. Lượng nhập khẩu thịt và phụ phẩm từ heo theo cảng/cửa khẩu thuộc các miền năm 2020-04/10/2021 (tấn)

Năm	2020	2021				
		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Tổng
<i>Thịt heo (mã HS 0203)</i>						
Miền Bắc	44,051.6	16,039.1	18,550.7	13,404.7	697.1	48,691.6
Miền Trung	4,610.4	549.5	1,261.5	1,453.8	-	3,264.7
Miền Nam	90,606.2	17,853.3	30,825.5	27,686.1	1,126.6	77,491.6
Tổng	139,268.2	34,442.0	50,637.6	42,544.6	1,823.7	129,447.9
<i>Chân và phụ phẩm từ heo (mã HS 0206)</i>						
Miền Bắc	44,960.6	10,644.9	19,984.1	19,539.1	469.3	50,637.4
Miền Trung	1,146.5	204.9	342.7	391.7	49.8	989.1
Miền Nam	46,220.5	11,204.2	24,268.7	19,937.2	553.0	55,963.2
Tổng	92,327.7	22,054.0	44,595.5	39,868.0	1,072.1	107,589.6

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 20. Top 5 thị trường cung ứng thịt heo (mã hs 0203) và Top 5 thị trường cung ứng chân và phụ phẩm từ heo (mã hs 0206) cho Việt Nam sơ bộ trong tháng 9/2021 (tấn)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 14. Top 5 doanh nghiệp nhập khẩu thịt và phụ phẩm từ heo lớn nhất về Việt Nam sơ bộ trong tháng 9/2021 (tấn; %)

STT	Doanh nghiệp	Lượng (tấn)			Tỷ trọng (%)
		0203	0206	Tổng	
1	CT TNHH TM - DV Nhiều Lộc	1,400.6	2,760.1	4,160.7	17.6
2	CT TNHH MTV XNK TP Hạ Long	2,296.7	608.0	2,904.8	12.3
3	CT TNHH SX TM TP Tài Lộc	1,088.6	347.2	1,435.8	6.1
4	CT TNHH TM Hoàng Kim Xu	584.5	592.9	1,177.5	5.0
5	CT TNHH Đầu Tư TM & XNK Nông Sản VN	469.6	421.9	891.5	3.8
	<i>Khác</i>	7,218.4	5,894.4	13,112.8	55.4
	Tổng	13,058.5	10,624.6	23,683.1	100.0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

2. Thị trường Trâu/bò

Bảng 15. Lượng trâu/bò sống phục vụ giết mổ (trâu/bò thịt) nhập khẩu về Việt Nam theo miền và một số cảng/cửa khẩu chính (con)

Năm	2020	2021				
		Quý 1	Quý 2	Quý 3	1-4/10	Tổng
Miền Bắc	120,984	17,475	26,319	22,774	-	66,568
Cảng Hải Phòng (<i>Hải Phòng</i>)	25,662	3,453	11,173	3,102	-	17,728
Cảng cá Hạ Long (<i>Quảng Ninh</i>)	73,816	6,843	7,689	7,731	-	22,263
Cảng Cái Lân (<i>Quảng Ninh</i>)	15,676	7,179	7,457	5,816	-	20,452
Miền Trung	386,260	82,841	64,368	78,664	2,060	227,933

Cửa khẩu Cha Lo (<i>Quảng Bình</i>)	227,020	57,247	49,438	45,516	1,689	153,890
Cửa khẩu Lao Bảo (<i>Quảng Trị</i>)	57,677	9,579	7,031	9,199	371	26,180
Cảng Hòn La (<i>Quảng Bình</i>)	51,903	13,533	2,682	7,004	-	23,219
Miền Nam	80,569	9,126	9,407	24,041	-	42,574
Cảng QT SP-PSA (<i>Vũng Tàu</i>)	17,694	2,461	-	-	-	2,461
Cảng TH Thị Vải (<i>Vũng Tàu</i>)	51,070	6,665	9,407	24,041	-	40,113
Tổng	587,813	109,442	100,094	125,479	2,060	337,075

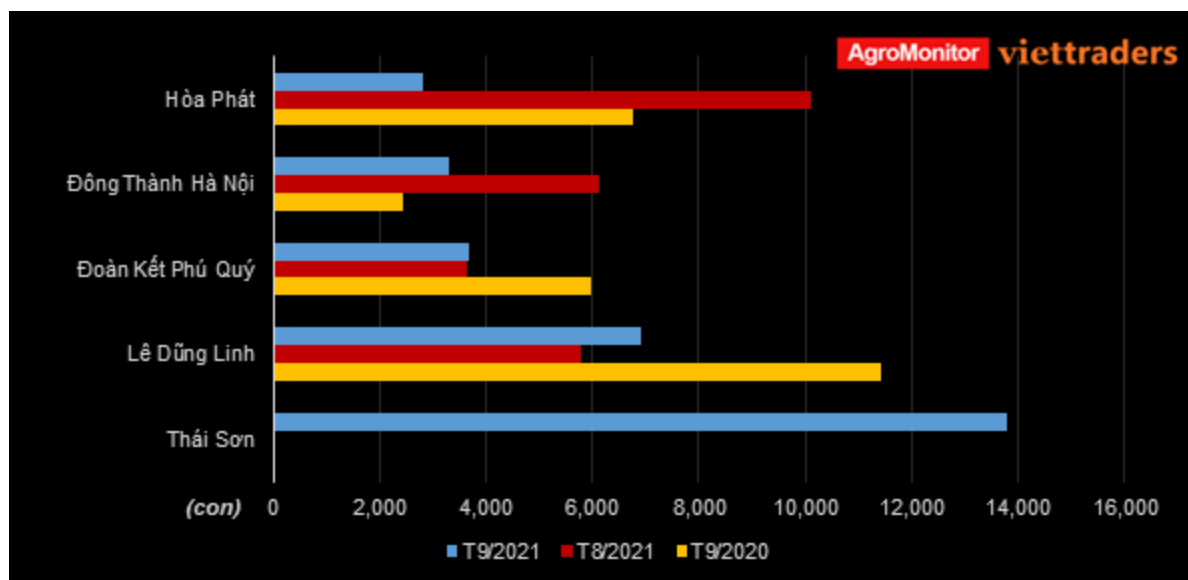
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 16. Lượng trâu/bò sống phục vụ giết mổ (trâu/bò thịt) nhập khẩu về Việt Nam theo thị trường (Con)

Năm	Tháng	Úc	Lào	Thái Lan	Brazil	Tổng
2020	1	41,727	154	25,485		67,366
	2	25,517		16,842		42,359
	3	29,833		20,723		50,556
	4	21,827		20,567		42,394
	5	21,879		34,840		56,719
	6	32,208		32,128		64,336
	7	22,621		28,186		50,807
	8	9,464		21,186		30,650
	9	18,725		20,537		39,262
	10	12,942	118	29,829		42,889
	11	35,622		20,877		56,499
	12	20,416		23,560		43,976
	Tổng	292,781	272	294,760		587,813
2021	1	11,428		20,507		31,935
	2	25,772		19,734		45,506
	3	5,416		26,585		32,001
	4	3,156		27,877		31,033
	5	20,462		23,196		43,658
	6	20,007		5,396		25,403
	7	21,622	37	28,660		50,319
	8	28,383		12,710		41,093
	9*	6,936		13,345	13,786	34,067
	1-4/10			2,060		2,060
		Tổng	143,182	37	180,070	13,786

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: * số liệu sơ bộ)

Hình 21. Top 5 doanh nghiệp nhập khẩu trâu/bò sống phục vụ giết mổ (trâu/bò thịt) về Việt Nam sơ bộ trong tháng 9/2021 so sánh với cùng kỳ tháng 8/2021 và 9/2020 (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 17. Lượng thịt trâu/bò nhập về qua cảng/cửa khẩu thuộc các miền theo tuần (Tấn)

Chủng loại	Khu vực	08/09 – 14/09	15/09 – 21/09	22/09 – 27/09	28/09 – 04/10
Thịt bò	Miền Bắc	305.0	241.6	155.2	26.7
	Miền Trung	21.2	-	44.1	25.0
	Miền Nam	441.6	182.7	174.1	218.9
Thịt trâu	Miền Bắc	468.6	698.8	106.5	197.0
	Miền Trung	-	-	18.0	47.5
	Miền Nam	582.3	665.2	645.1	308.9
Tổng		1,818.7	1,788.3	1,143.0	823.9

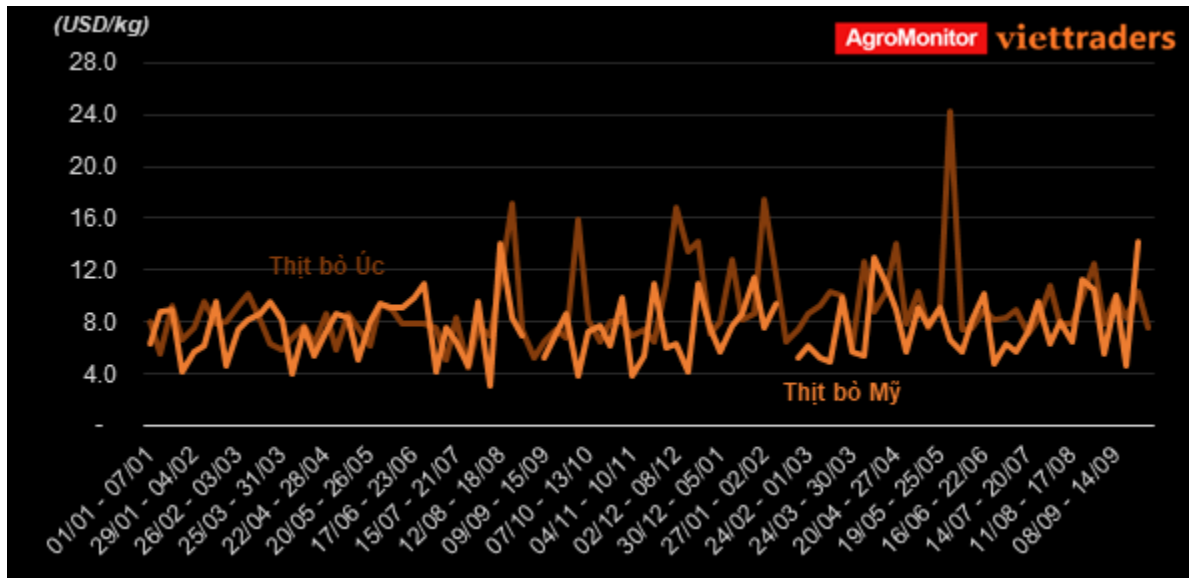
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 18. Top 5 doanh nghiệp nhập khẩu thịt trâu/bò về Việt Nam sơ bộ trong tháng 9/2021 (tấn)

STT	Doanh nghiệp	Tổng lượng (tấn)	TT so với cùng kỳ tháng trước (%)	Lượng thịt bò (tấn)	Lượng thịt trâu (tấn)
1	CT CP XNK Thiên Á	573.9	▲36.6	573.9	-
2	CT TNHH TM XNK Ba Miền	496.9	▲64.7	-	496.9
3	CT TNHH ĐT Kiba	285.0	▲42.9	-	285.0
4	CT CP ĐT Tài Chính và XNK Bình Minh	280.0	▲150.8	-	280.0
5	CT TNHH TP & Đồ uống TTC	241.0	▲94.3	241.0	-
	Khác	4,773.9	▼512.6	1,614.8	3,159.1
Tổng		6,650.7	▼0.7	2,429.7	4,221.0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 22. Diễn biến giá nhập khẩu Thịt bò Úc và Thịt bò Mỹ về Việt Nam theo tuần tính đến ngày 04/10/2021 (USD/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: số liệu lấy theo ĐKGH là CIF)

Thị trường Gia cầm tuần (1/10/2021-7/10/2021)

14:50 08/10/2021 **viettraders**

CÁC DIỄN BIẾN QUAN TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG TUẦN 01/10-07/10/2021

NỘI ĐỊA	
Gà trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Tại miền Bắc, nguồn cung vẫn hơn đây giá đạt cao nhất 25.500 đồng/kg vào giữa tuần này. Tuy nhiên, do trước đó nhiều trại dân có xu hướng giữ gà lại, chờ giá tăng khiến gà biểu to 4 kg/con hiện đẩy ra thị trường nhiều hơn. - Tại miền Nam, nguồn cung gà hệt nhẹ đây giá lên 20-21.000 đồng/kg. Tuy nhiên do giá heo có đà giảm sâu gây áp lực lên tiêu thụ gà trắng khiến giá gà chững lại. - Mặc dù giá tại miền Nam tăng liên tục nhưng do nguồn cung bên Cam có chiều hướng vẫn hơn hỗ trợ gà trong Nam vẫn lai rai sang Cam tiêu thụ khoảng 12-15.000 con/ngày.
Gà màu	<ul style="list-style-type: none"> - Tại miền Bắc, giá gà Dabaco trên hóa đơn không có điều chỉnh mới nhưng do nguồn cung đẩy ra thị trường nhiều hơn khiến giao dịch thực tế giảm còn 48-49.000 đồng/kg. - Một số công ty thức ăn chăn nuôi sẽ tiếp tục điều chỉnh tăng giá cám trong tháng này khiến người chăn nuôi vào đàn chậm hơn.
Vịt thịt	<ul style="list-style-type: none"> - Tại miền Bắc, tiêu thụ vịt những ngày đầu tháng âm lịch yếu hơn khiến giá quay đầu giảm xuống còn 40-42.000 đồng/kg

	- Tại miền Nam , giá vịt tiếp đà tăng tốt đạt đầu giá 50.000 đồng/kg vào đầu tuần này nhưng do tiêu thụ những ngày đầu tháng âm lịch sụt giảm khiến giá đảo chiều giảm về mức 46-48.000 đồng/kg.
Thương mại	- Trong tháng 9/2021, lượng gà trắng giống bố mẹ hướng thịt nhập khẩu về Việt Nam đạt gần 156.7 nghìn con, giảm mạnh 36.2% so với tháng trước. - Trong tháng 9/2021, lượng thịt gia cầm nhập về Việt Nam ước đạt trên 23.2 nghìn tấn, tăng mạnh 26.1% so với tháng trước, tuy nhiên mức này giảm gần 11.6% so với cùng kỳ năm trước.

1.1. THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

1.1.1. Gà trắng

Giá heo có đà giảm sâu và nhanh gây áp lực lên tiêu thụ gà trắng tại cả 2 miền Bắc Nam.

Tại miền Bắc, nguồn cung nội vùng vẫn hơn từ tuần trước hỗ trợ giá gà trắng có điều chỉnh tăng liên tục trong tuần này, nâng mặt bằng giá lên phổ biến 24-25.000 đồng/kg. Tuy nhiên, giá ngoài Bắc đảo chiều giảm lại từ giữa tuần, khiến đầu giá 25.500 đồng/kg không còn do: (i) Trước đó nhiều trại dân có xu hướng giữ gà lại, chờ giá tăng khiến gà biểu to 4 kg/con hiện đẩy ra thị trường nhiều hơn, (ii) Giá heo có đà giảm sâu và nhanh gây áp lực lên tiêu thụ gà trắng. Với mức giao dịch 24-25.000 đồng/kg trong ngày cận cuối tuần này, giá gà trắng ngoài Bắc vẫn cao hơn 3-3.500 đồng/kg so với tuần trước, tăng 4-5.000 đồng/kg so với cùng kỳ tháng trước và đồng thời mức này cũng cao hơn 3.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm 2020.

Tại miền Nam, giai đoạn giữa tháng 8 và đầu tháng 9, tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp khiến hầu hết các trại đều bị tình trạng kẹt chuồng, không vào được đàn mới kéo lượng gà trắng thịt đẩy ra thị trường trong nửa đầu tháng 10 thiết hụt. Theo đó, giá công ty lẫn trại dân trong Nam đồng loạt tăng tốt lên 20-21.000 đồng/kg, mức này tăng 5.000 đồng/kg so với tuần trước, cao hơn tới 10-13.000 đồng/kg so với cùng kỳ tháng 9 và cao hơn 1-2.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, do giá heo điều chỉnh giảm liên tục gây sức ép lên tiêu thụ gà trắng, cộng với việc một số công ty thức ăn chăn nuôi đã có thông báo tăng giá cám vào giữa tháng 10 này khiến nhiều trại có xu hướng đẩy bán gà nhỏ dưới 3 kg/con với giá thành 18.000 đồng/kg.

Tình hình đi Cam: Mặc dù giá gà trắng tại miền Nam có điều chỉnh tăng liên tục nhưng do nguồn cung gà bên Cam có chiều hướng vẫn hơn hỗ trợ gà trong Nam vẫn lai rai sang Cam tiêu thụ, ước tính khoảng 12-15.000 con/ngày.

Bảng 1. Ước tính lượng gà trắng đi Cam và gà lưu chuyển hai miền Bắc Nam (con/ngày)

Ngày	Gà đi Cam	Gà đi Bắc
4/10	15,000	-
5/10	13,000	-
6/10	13,000	-

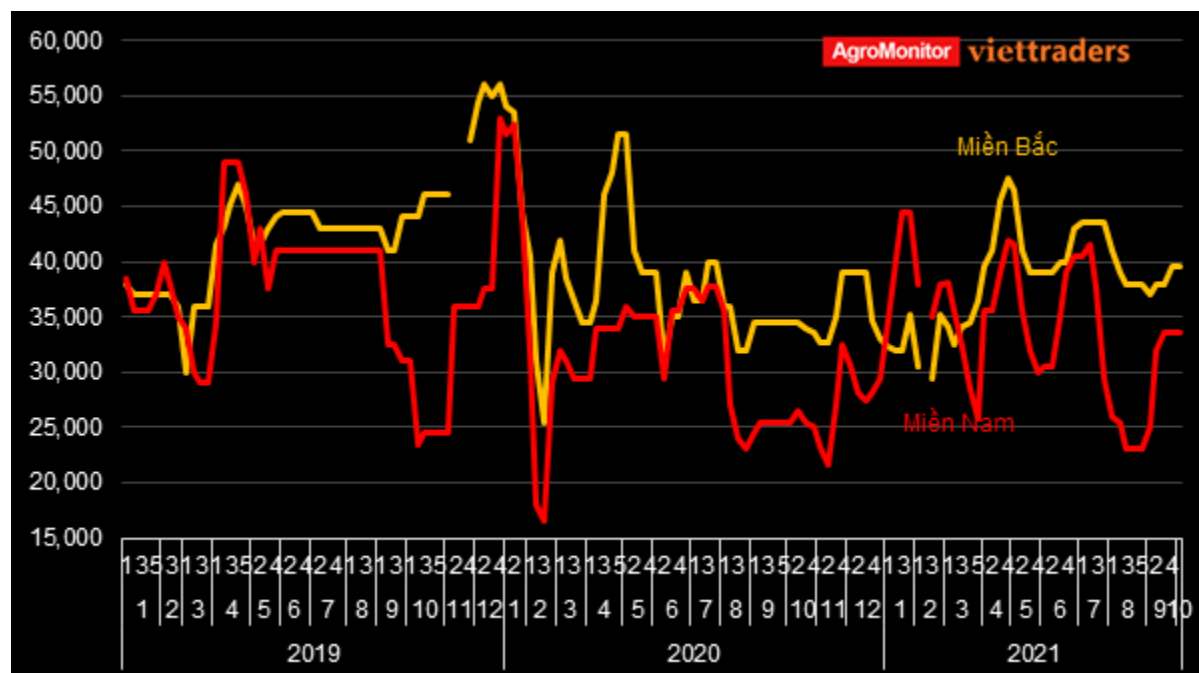
7.10	12,000	-
------	--------	---

Bảng 2. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	01/10	04/10	05/10	06/10	07/10	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	20.500-22.000	23.000-24.500	24.000-25.500	24.000-25.000	24.000-25.000	20.500-22.000
	Miền Nam	15.000-16.000	16.000-17.000	17.000-18.000	20.000-21.000	20.000-21.000	12.000-16.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>						
	Thái Nguyên	20.000-22.000	23.000-24.000	24.000-25.000	24.000-25.000	24.000-25.000	20.000-22.000
	Vĩnh Phúc	20.000-22.500	23.000-24.500	24.000-25.500	24.000-25.000	24.000-25.000	20.000-22.500
	Hà Tây	20.000-22.500	23.000-24.500	24.000-25.500	24.000-25.000	24.000-25.000	20.000-22.500
	<i>Miền Nam</i>						
	Bình Dương	15.000-16.000	16.000-17.000	17.000-18.000	20.000-21.000	18.000-20.000	11.000-16.000
	Bình Phước	15.000-16.000	16.000-17.000	17.000-18.000	20.000-21.000	20.000-21.000	11.000-16.000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 1. Diễn biến giá gà trắng công ty tại miền Bắc và miền Nam từ 1/2019- Tuần 1/10/2021(đồng/kg)



Nguồn: CSDL AgroMonitor

Giá gà giống DOC

Tại miền Bắc, giống gà trong Nam được chào bán lại ra Bắc từ tuần trước khiến nhu cầu thu mua con giống ngoài Bắc chậm chạp hơn. Theo đó, giá gà giống ăn cám công ty có điều chỉnh giảm 1.000 đồng/con vào đầu tuần này, xuống còn 9.000 đồng/con. Giá giống bán ngoài cũng giảm theo trong ngày cận cuối tuần, xuống còn 9-10.000 đồng/con.

Tại miền Nam, một số công ty thức ăn chăn nuôi thông báo tiếp tục tăng giá cám trong ngày 11/10 tới đây, khiến lực tái đàn của các trại tư nhân yếu hơn, giá giống chững lại quanh mức 4-5.000 đồng/con. Ngược lại, nhu cầu bắt giống trong Nam ra Bắc tốt hơn hỗ trợ giá từ Nam bán ra nhích nhẹ lên 10.000 đồng/con (đã bao gồm phí vận chuyển).

Bảng 3. Bảng giá gà giống DOC (đồng/con)

Loại con giống	01/10	04/10	05/10	06/10	07/10	So với tuần trước	So với tháng trước	So với năm trước
DOC- miền Bắc								
Bán ngoài	10.000-11.000	10.000-11.000	10.000-11.000	10.000-11.000	10.000-11.000	1.000	5.000	0
Ăn cám công ty	10.000	9.000	9.000	9.000	9.000	1.000	4.000	1.500
DOC-miền Nam								
Bán ngoài	6.000-7.000	6.000-7.000	6.000-7.000	6.000-7.000	6.000-7.000	0	4.000	1.000-2.000
Ăn cám công ty	5.000-6.000	5.000-6.000	5.000-6.000	5.000-6.000	5.000-6.000	0	3.000	1.000-2.000
Nam bán ra Bắc								
Ăn cám công ty	9.000	10.000	10.000	10.000	10.000	1.000	5.000	-

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm đưa vào giết mổ trong ngày cuối tuần 2/10 đạt 47.954 con, mức này tăng nhẹ 6% so với ngày cuối tuần trước đó 25/9 và chỉ thấp hơn 17% so với lượng giết mổ trong ngày 2/7 (trước khi TPHCM giãn cách xã hội theo chỉ thị số 16).

Bảng 4. Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong ngày cuối tuần (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	Tháng 7 (2/7)	Tháng 9 (25/9)	Tháng 10 (2/10)
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	57,882	45,255	47,954

Bảng 5. Bảng giá trứng gà công ty tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	Tuần này	Tuần trước
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	1750	1850
	Mix04(>=20.3kg)	1650	1750
	Mix05(>=19.3kg)	1550	1650
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	1550	1650
	Loại 22.5kg	1450	1550
	Loại 21.5kg	1350	1450
	Loại 20.5kg	1250	1350
	Loại 19.5kg	1150	1250

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.1.2 Gà màu

Các công ty thức ăn chăn nuôi ngoài Bắc sẽ tiếp tục điều chỉnh tăng giá cám trong tháng này, giá gà màu giống cũng tăng liên tục khiến người chăn nuôi vào đàn chậm hơn.

Với giao dịch gà màu, giá **gà ta lai CP** tại 2 miền Nam Bắc gần như không có biến động mới trong tuần này, giá bán ra tại trại ổn định quanh mức thiết lập 39-40.000 đồng/kg tại miền Bắc và 33-34.000 đồng/kg tại miền Nam.

Với **gà màu Dabaco**, giá gà tại miền Bắc không có điều chỉnh mới trên hóa đơn, vẫn có giá 50-51.000 đồng/kg, tuy nhiên do nguồn cung đang có lại nhiều hơn khiến giao dịch thực tế chỉ quanh ngưỡng 48-49.000 đồng/kg. Tại miền Nam, cung cầu cân đối, giữ giá gà Dabaco linh xình đi ngang quanh mức 38-39.000 đồng/kg.

Với giao dịch **con giống**, giá giống lai hồ, lai mía tại miền Bắc quay đầu giảm lại, xuống còn 9.000 đồng/con với giống bên CP và 11-12.000 đồng/con với giống trong dân. Theo đó, đàn giống chọn 100% trống cũng giảm còn 18.000 đồng/con. Nguồn cung gà màu giống chưa dư thừa nhưng do các công ty thức ăn chăn nuôi sẽ tiếp tục điều chỉnh tăng giá cám trong tháng này, giá con giống cũng tăng liên tục khiến người chăn nuôi vào đàn chậm hơn.

Gà đi Trung Quốc: gà ta lai 70 ngày tuổi từ miền Nam vẫn được đóng đê đi Hà Giang trong tuần này do nguồn cung gà màu bên các tỉnh Trung Quốc giáp biên giới Việt Nam ít hơn. Ước tính khoảng 9-10.000 con/ngày với giá lên xe 33.000 đồng/kg và giá xuống xe được 47-48.000 đồng/kg.

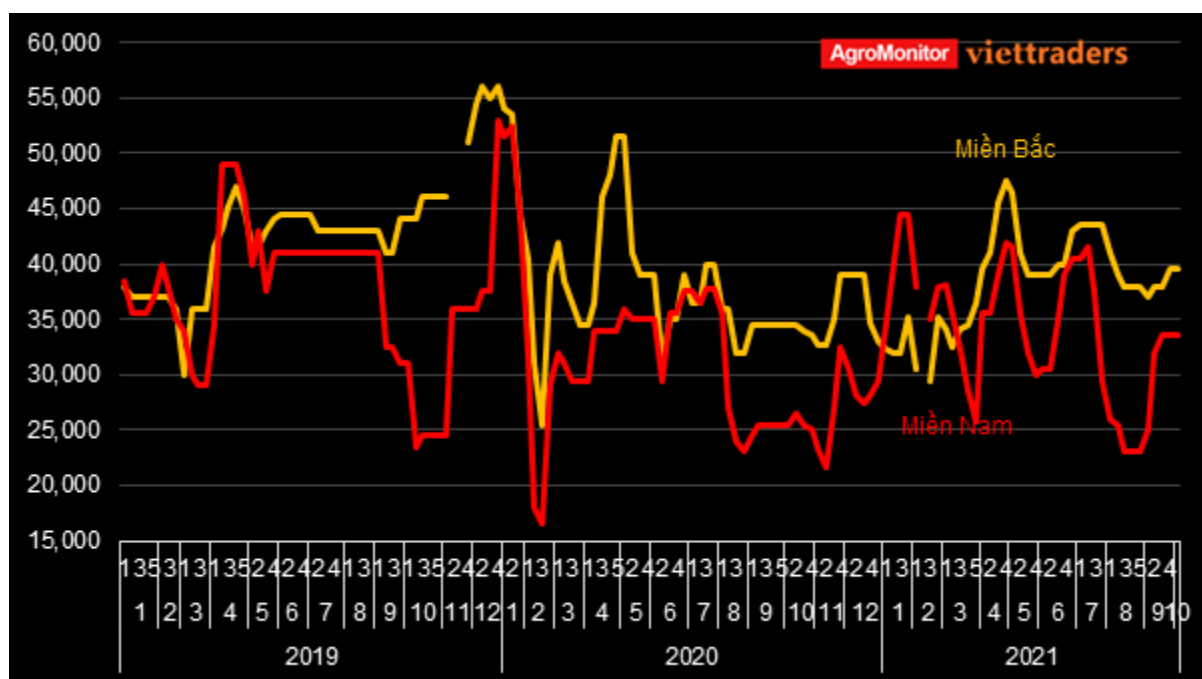
Bảng 6. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (VND/kg)

Khu vực	01/10	04/10	05/10	06/10	07/10	So với tuần trước	So với tháng trước	So với năm trước
Gà ta lai – miền Bắc	39.000-40.000	39.000-40.000	39.000-40.000	39.000-40.000	39.000-40.000	0	2.000-3.000	5.000
Gà ta lai – miền Nam	33.000-34.000	33.000-34.000	33.000-34.000	33.000-34.000	33.000-34.000	0	8.000-9.000	6.000-8.000

Gà màu Dabaco – miền Bắc	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000	0	0	6.000-8.000
Gà màu Dabaco – miền Nam	38.000-39.000	38.000-39.000	38.000-39.000	38.000-39.000	38.000-39.000	0	0	2.000-5.000
Gà Minh Dư – miền Bắc	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000	0	0	2.000-3.000
Gà Minh Dư – miền Nam	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000	0	0	0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 2. Diễn biến giá gà màu công ty tại miền Bắc và miền Nam từ 1/2019- Tuần 1/10/2021(đồng/kg)



Nguồn: CSDL AgroMonitor

Bảng 7. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	Tuần này	Tuần trước
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dư	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Lai chọi Lai Vượng	8.000	8.000
DOC- Tiến Đạt	10.000	10.000
DOC- Lai mía	11.000-12.000	13.000
DOC- Lai Hồ	11.000-12.000	13.000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 8. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	Tuần này	Tuần trước
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.1.3. Vịt hơi

Tiêu thụ vịt thịt những ngày đầu tháng âm lịch sụt giảm khiến giá tại 2 miền Bắc Nam đồng loạt quay đầu giảm.

Tại miền Bắc, tiêu thụ vịt super những ngày đầu tháng âm lịch yếu hơn khiến giá quay đầu giảm lại vào giữa tuần này, kéo mặt bằng chung xuống 40-42.000 đồng/kg. Với con giống, giá bán ra tại cửa chuồng tiếp tục tăng lên 18.000 đồng/con với giống CP và 17.000 đồng/con với giống Viện Chăn nuôi. Nguồn cung vịt giống tại miền Bắc chưa hồi phục hỗ trợ giá tiếp tục tăng. Tương tự, giá vịt bầu cánh trắng giống cũng tăng tốt lên 12.000 đồng/con.

Tại miền Nam, giá vịt grimaud tiếp đà tăng tốt vào cuối tuần trước và đầu tuần này, đạt đầu giá 50.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do tiêu thụ vịt những ngày đầu tháng âm lịch sụt giảm khiến giá nhiều nơi quay đầu giảm về quanh mức 46-48.000 đồng/kg ngay cả khi nguồn cung vịt gần như đã cạn. Giá vịt thịt có điều chỉnh tăng liên tục trong 2 tuần gần đây kéo giá con giống tăng theo, lên 15.000 đồng/con, tuy nhiên nhu cầu vào đàn mới của các trại tư nhân vẫn rất yếu.

Bảng 9. Bảng giá vịt hơi bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	01/10	04/10	05/10	06/10	07/10	So với tuần trước	So với tháng trước	So với năm trước
Miền Bắc (Vịt Super)	43.000-44.000	43.000-44.000	43.000-44.000	43.000-44.000	40.000-42.000	0	5.000	6.000
Miền Đông (Vịt Grimaud)	40.000-42.000	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000	46.000-48.000	6.000-8.000	18.000	18.000
Miền Tây (Vịt Grimaud)	46.000-47.000	48.000	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000	2.000-3.000	20.000	20.000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

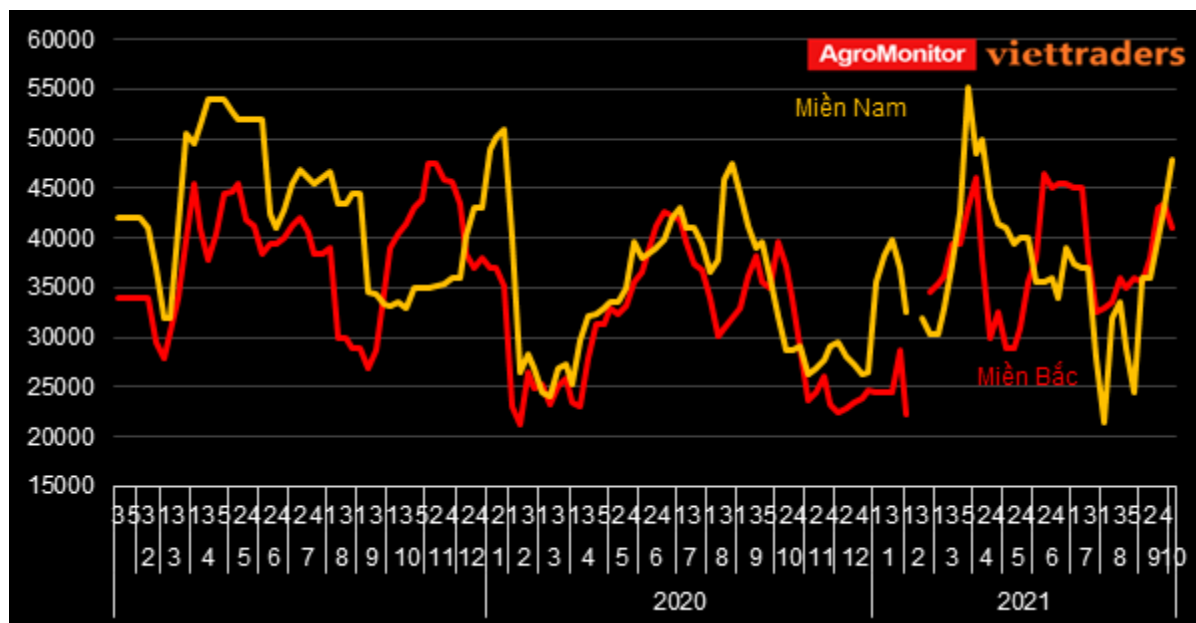
Bảng 10. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	Tuần này	So với tuần trước	So với tháng trước	So với năm trước
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	17.000-18.000	1.000	3.000	4.000
	DOC- Vịt Grimaud	17.000-18.000	1.000	3.000	4.000

	DOC- Vịt bầu cánh trắng	12.000	1.000-2.000	2.000-2.500	6.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	15.000	5.000-7.000	9.000-10.000	1.000-3.000

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 3. Diễn biến giá gà vịt tại miền Bắc và miền Nam từ 1/2019- Tuần 1/10/2021(đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.2. THƯƠNG MẠI

1.2.1. Nhập khẩu (Tính đến 04/10/2021)

Gia cầm sống

- Trong tháng 9/2021, lượng gà trắng giống bố mẹ hướng thịt nhập khẩu về Việt Nam đạt gần 156.7 nghìn con, giảm mạnh 36.2% so với tháng trước-tương đương với mức giảm trên 88.8 nghìn con, đồng thời mức này cũng giảm mạnh 22.5% so với cùng kỳ năm trước-tương đương mức giảm trên 45.5 nghìn con. Lũy kế từ đầu năm nay đến 04/10/2021, lượng gà trắng giống bố mẹ hướng thịt nhập về Việt Nam đạt trên 2.04 triệu con, tăng nhẹ 3.7% so với cùng kỳ năm trước- tương ứng với mức tăng gần 73.4 nghìn con. Với gà màu giống bố mẹ hướng thịt, lượng gà nhập về từ 01/01/2021-04/10/2021 đạt gần 541.1 nghìn con, chiếm tỉ trọng nhỏ, chỉ bằng 26.5% so với lượng gà trắng giống bố mẹ hướng thịt được nhập về.

Bảng 11. Lượng gà giống bố mẹ nhập khẩu về Việt Nam từ 01/01/2021– 04/10/2021 (con)

Tháng/Năm		2021					
Chủng loại	Cửa khẩu	Quý 1	Quý 2	7	8	9	10

Gà trắng thịt	Miền Bắc	152,423	96,997	65,591	45,853	9,568	
	Miền Nam	591,993	558,920	153,207	199,640	147,100	22,548
Gà màu thịt	Miền Bắc	68,104	64,938		93,616	8,840	
	Miền Nam	101,876	97,938	15,616	27,248	62,920	
Tổng		914,396	818,793	234,414	366,357	228,428	22,548

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 12. Lượng gà hướng trứng nhập khẩu về Việt Nam năm 2020 – 04/10/2021 (con)

Năm Tháng/Cửa khẩu	2020		2021	
	Miền Bắc	Miền Nam	Miền Bắc	Miền Nam
1	-	19,026	-	38,098
2	29,234	27,730	10,098	11,394
3	7,540	30,937	-	53,510
4	-	23,000	7,540	46,702
5	-	28,098	17,980	11,880
6	20,759	22,380		19,600
7	-	19,740	14,352	10,440
8	-	10,460		10,260
9	18,000	10,460		78,642
10	-	41,959	7,440	
11	3,000	22,320		
12	14,352	-		
Tổng	92,885	256,110	57,410	280,526

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thịt gia cầm đã qua giết mổ

- Theo số liệu thống kê sơ bộ, lượng thịt gia cầm nhập khẩu về Việt Nam trong tháng 9/2021 tăng mạnh 26.1% so với cùng kỳ tháng trước. Cụ thể, trong tuần từ 28/09/2021-04/10/2021, lượng thịt gia cầm nhập khẩu về Việt Nam đạt gần 6.6 nghìn tấn- tăng mạnh hơn 40.2% so với lượng về của tuần trước đó. Trong tháng 9/2021, lượng thịt gia cầm nhập về Việt Nam ước đạt trên 23.2 nghìn tấn, tăng mạnh 26.1% so với tháng trước, tương đương mức tăng trên 4.8 nghìn tấn, tuy nhiên mức này giảm gần 11.6% so với cùng kỳ năm trước - tương ứng với mức giảm trên 3 nghìn tấn. Lũy kế từ đầu năm đến 04/10/2021, lượng thịt gia cầm nhập khẩu về Việt Nam đạt trên 170.1 nghìn tấn, giảm hơn 27.1% so với cùng kỳ năm trước - tương ứng mức giảm gần 63.4 nghìn tấn.

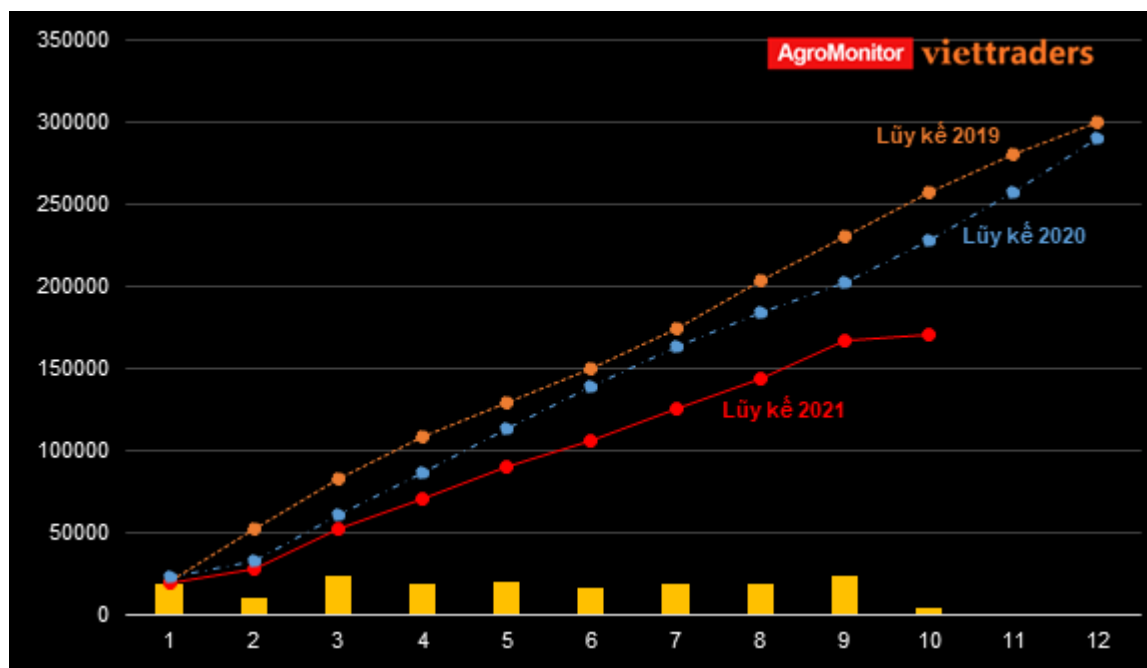
Bảng 13. Lượng thịt gia cầm đã qua giết mổ nhập khẩu về Việt Nam theo tháng năm 2019-04/10/2021 (tấn)

Tháng	2019	2020	2021	TT 2021/2020 (%)
1	22,158.78	20,228.26	18,423.35	-8.92
2	10,723.28	32,035.82	9,628.46	-69.9

3	27,580.97	30,098.57	23,385.44	-22.3
4	25,695.11	25,815.12	18,715.44	-27.5
5	26,680.23	21,407.49	19,908.82	-7,0
6	26,067.53	20,243.80	16,186.20	-20,0
7	24,819.71	24,568.54	18,626.39	-24,2
8	20,001.98	29,583.35	18,433.43	-37.7
9	18,941.19	26,288.09	23,248.17	-11.6
10	25,177.01	27,360.11	3,557.57	
11	30,013.68	23,066.92	-	
12	32,293.97	19,541.32	-	
Tổng	290,153.43	300.237.39	170,113.27	

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 4. Lượng thịt gia cầm đã qua giết mổ nhập khẩu về Việt Nam từ 01/2021-04/10/2021 (tấn)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

- Trong tháng 9/2021, lượng nhập khẩu đùi gà về Việt Nam đạt trên 11.2 nghìn tấn - chiếm tỉ trọng cao nhất gần 50%, tiếp theo là lượng nhập khẩu chân gà ước đạt hơn 6.6 nghìn tấn- chiếm 28.6 % trong tổng số lượng thịt gà được nhập về.

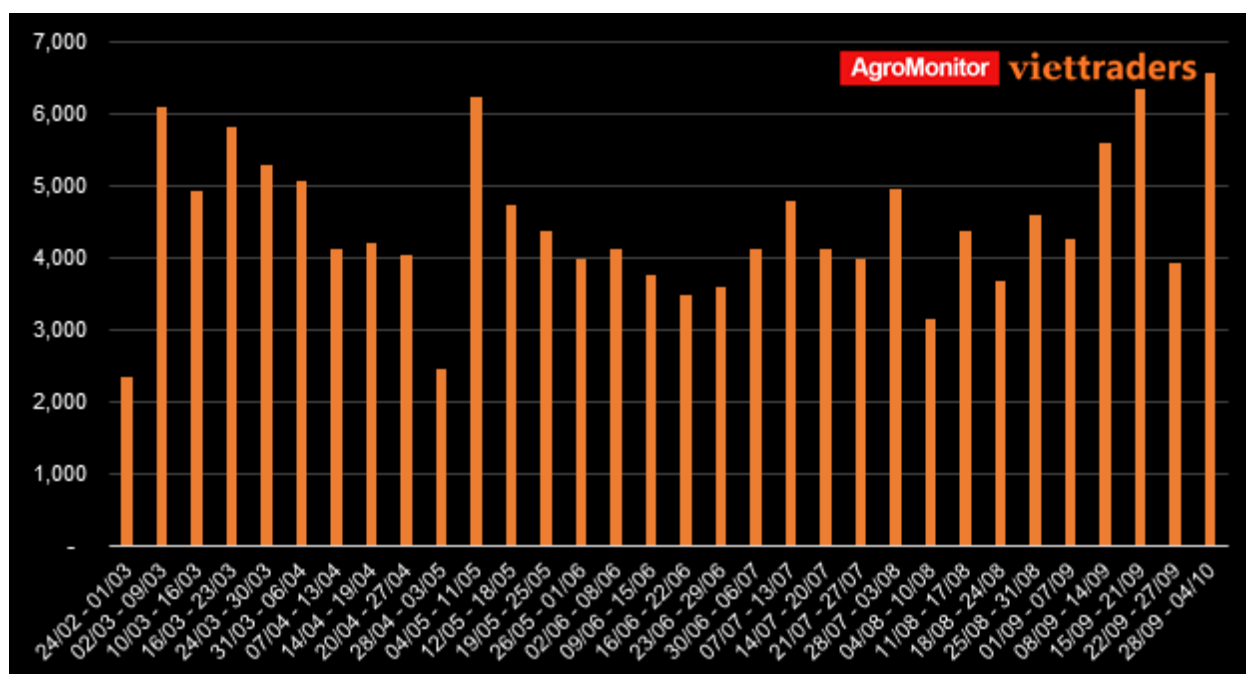
Bảng 14. Lượng nhập khẩu thịt gà theo chủng loại về Việt Nam từ 01/01/2021-04/10/2021 (ĐVT: tấn)

Chủng loại	Năm 2021					
	Quý 1	Quý 2	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10

Đùi gà	20,625.2	22,313.7	7,718.6	7,355.1	11,244.4	1,412.1
Chân gà	12,937.1	16,693.6	7,178.8	7,086.0	6,619.8	1,039.0
Nguyên con	5,833.2	5,335.2	926.6	1,280.5	1,823.2	42.5
Cánh gà	1,494.8	1,561.7	857.5	599.6	1,453.7	696.3
Thịt gà xay	5,858.0	5,478.6	1,236.6	1,162.2	1,414.6	319.9
Ức/Lườn gà	986.2	747.1	258.4	287.7	327.0	-
Da gà	2,723.2	1,305.9	103.5	163.6	27.1	-
Khác	656.5	980.0	318.5	363.8	231.8	47.8
Tổng	51,114.2	54,415.7	18,598.5	18,298.5	23,141.6	3,557.6

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 5. Lượng thịt gà đã qua giết mổ nhập khẩu về Việt Nam theo tuần (tấn)



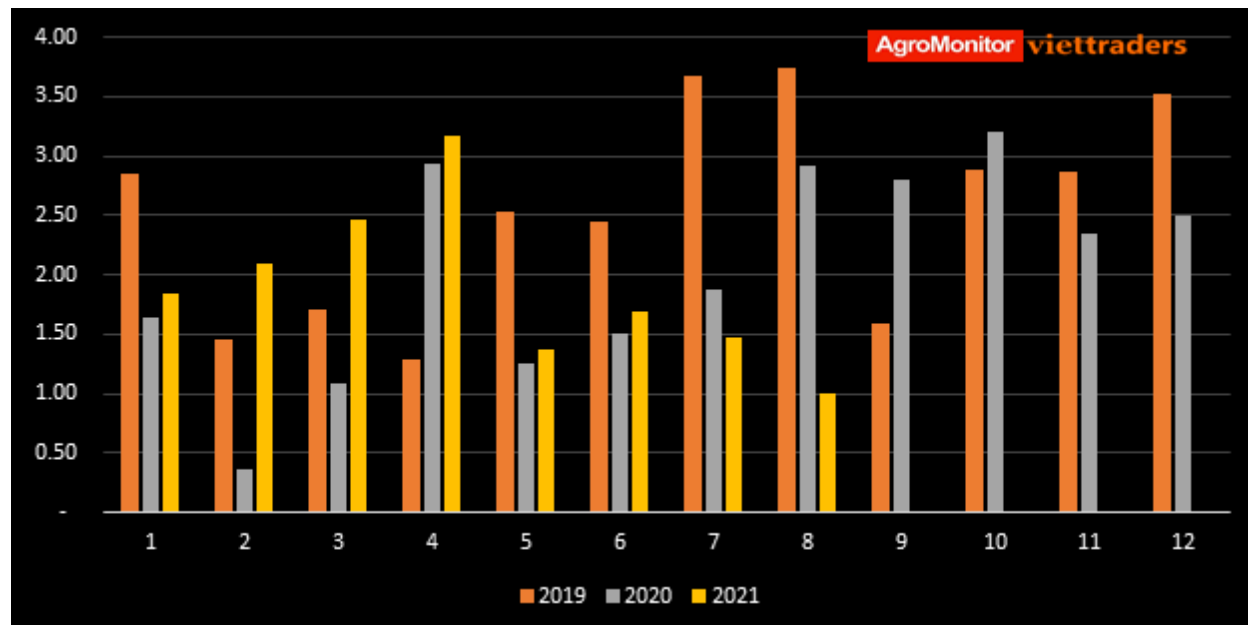
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.2.2. Xuất khẩu

- Đối với xuất khẩu, trong tháng 8/2021, giá trị xuất khẩu thịt gia cầm đã qua giết mổ của Việt Nam sang các thị trường khác đạt gần 1.01 triệu USD, giảm mạnh 31.6% so với tháng trước, tương đương với mức giảm gần 463.6 nghìn USD. So sánh với cùng kì năm trước, giá trị xuất khẩu thịt gia cầm đã qua giết mổ trong tháng 8/2021 cũng giảm tới 65.6%, tương ứng với mức giảm gần 1.92 triệu USD. Trong tháng, Hồng Kông vươn lên là nước nhập khẩu thịt gia cầm đã qua giết mổ từ Việt Nam nhiều nhất với trên 536.4 nghìn USD, chiếm hơn 53.3% thị phần, tiếp theo là thị trường Thái Lan với kim ngạch nhập khẩu đạt gần 428.7 nghìn USD- chiếm

42.6% thị phần và lượng nhỏ còn lại được xuất khẩu sang một số thị trường khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Vương quốc Anh, Singapore,....

Hình 6. Kim ngạch xuất khẩu thịt gia cầm đã qua giết mổ của Việt Nam năm 2019-8/2021 (triệu USD)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 15. Lượng xuất khẩu thịt gà theo chủng loại của Việt Nam từ 6/2021-8/2021 (ĐVT: tấn)

Chủng loại	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8
Chân gà	831.75	879.37	321.60
Cánh gà	1.06		
Đùi gà	0.62		
Ức/lườn gà	0.35		
Nguyên con		0.08	
Khác	6.15		
Tổng	839.91	879.45	321.60

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

1.3. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

1.3.1. Thị trường gia cầm tại Trung Quốc

Nghị lễ Quốc khánh

1.3.2. Thị trường gia cầm tại một số nước khác

EU

Tin tức

- Tại đại hội thường niên của Hiệp hội Thịt gia cầm Châu Âu (AVEC), các thành viên trong ngành thịt gia cầm đã đồng ý thiết lập Hiến chương Bền vững vào đầu năm 2022. Được biết đến với tên gọi Tuyên bố Berlin, Hiến chương sẽ hướng tới việc tìm ra sự cân bằng tốt nhất giữa 3 trụ cột chính gồm môi trường - xã hội- kinh tế. Trong đó, tất cả các bên liên quan trong chuỗi sản xuất, bao gồm các công ty chăn nuôi gia cầm thịt, nông dân, nhà chế biến thực phẩm, học giả và nhà khoa học sẽ cùng tham gia.

Bảng 16. Bảng giá gà thịt và giá trứng khu vực EU tuần 39 năm 2021

Tuần 39	EUR/100kg	VND/kg	Biến động giá 1 tuần (%)	Biến động giá 1 tháng (%)	Biến động giá 1 năm (%)
Gà thịt	198,18	53.630	+0,8	+0,5	+7,2
Trứng	135,02	36.540	-0,2	+5,3	+10,0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Brazil

Hình 7. Diễn biến giá gà đông lạnh và làm mát tại Brazil từ 2020- 06/10/2021 (USD/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Mỹ

Bảng 17. Lượng gà thịt được đưa vào giết mổ tại Mỹ theo tuần (1000 con)

Tuần kết thúc	Số lượng	Thay đổi so với tuần trước (%)
01/10/2021	159,937	-0,24
24/09/2021	160,326	+0,49
17/09/2021	159,540	+13,2
10/09/2021	140,894	-12,9
03/09/2021	161,854	-0,15

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thái Lan

Bảng 18. Bảng giá giao dịch gia cầm tại Thái Lan từ 30/09/2021-06/10/2021

Nước	Loại giá	Đơn vị tính	Tuần này	Tuần trước
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	30,5	30,5
	Gà nửa con	Baht/kg	67,5	55,0-67,5
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	17,0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 19. Bảng giá giao dịch trứng tại Thái Lan từ 30/09/2021-06/10/2021

Nước	Loại giá	Đơn vị tính	Tuần này	Tuần trước
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 quả trứng	280	280-300
	Trứng số 3	Baht/100 quả trứng	300	300-326
	Trứng số 4	Baht/100 quả trứng	283	283-310

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hàn Quốc

- Cơ quan quản lý chống độc quyền của Hàn Quốc đã phạt 7 công ty chế biến gia cầm với tổng số tiền 25,1 tỷ won (21,2 triệu USD) , cáo buộc rằng các công ty này đã thông đồng để giữ giá thịt gà cao trong khoảng thời gian dài, từ 7/2011-7/2017. Việc ấn định giá của các công ty này đã ngăn giá gà giảm trong thời gian trái vụ kể cả trước áp lực nhu cầu của thị trường giảm lại.

1.4. TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chỉ tiêu	Diễn giải
Thị trường Việt Nam	<p>- Đối với giao dịch gà trắng:</p> <p>+ Tại miền Bắc, giá gà trắng được nhận định sẽ khó có lực bật tăng tốt do: (i) Nguồn cung gà trong dân đang dần có lại, (ii) Lượng thịt gia cầm đã qua giết mổ nhập khẩu về Việt Nam tăng mạnh trong tháng 9 vừa qua, (ii) giá heo sụt sâu và nhanh gây áp lực lên tiêu thụ gà trắng.</p> <p>+ Có diễn biến tương tự, giá gà trắng tại miền Nam khó có thể hồi phục trong trung hạn tới mặc dù các chợ truyền thống và chợ đầu mối đang dần mở cửa trở lại nhưng số lượng thương lái tham gia bán hàng vẫn ít nên lượng tiêu thụ chưa đáng kể, cộng với việc khối học sinh, sinh viên chưa có lịch đi học trở lại khiến gà trắng trong Nam thiếu đi trợ lực tiêu thụ từ phía các bếp ăn tập thể.</p>
	<p>- Đối với giao dịch gà màu:</p> <p>+ Tại miền Bắc, cán cân cung cầu hiện được cân đối giữ giá gà có xu hướng ổn định trong thời gian dài.</p> <p>+ Gà màu tại miền Nam đang được hút đi Cam và ra Hà Giang tiêu thụ tốt hơn từ cuối tuần này hỗ trợ giá gà màu tại miền Nam được nhận định sẽ giữ ổn định hoặc tiếp đà tăng nhẹ trong tuần tới.</p>

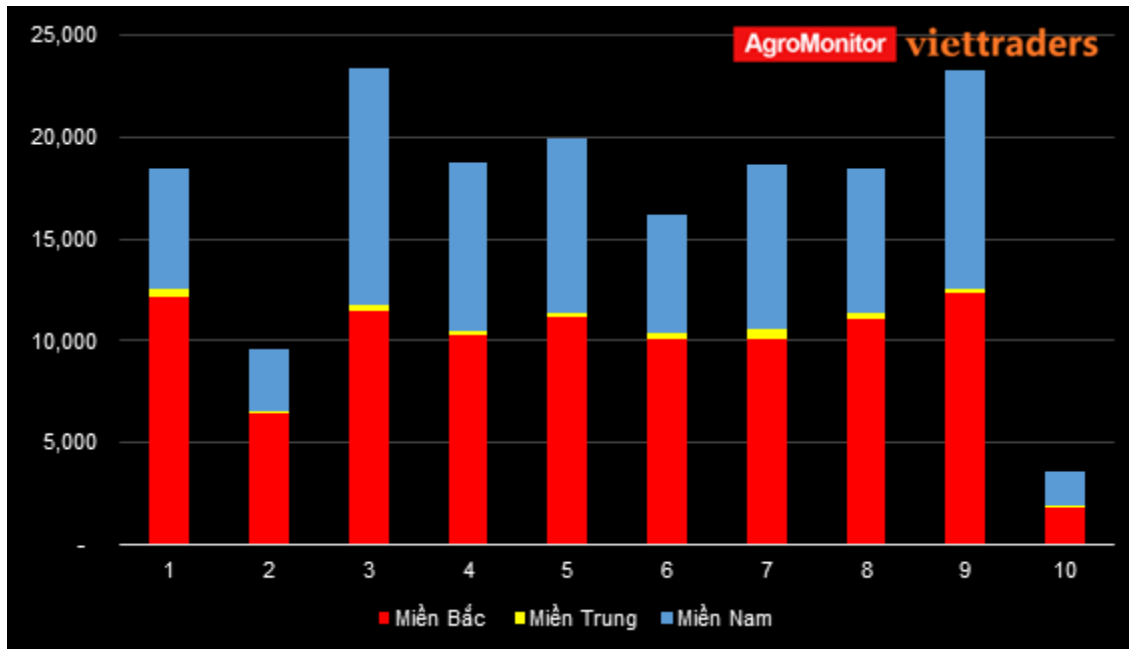
PHỤ LỤC

Bảng 20. Lượng nhập khẩu thịt gia cầm đã qua giết mổ theo cảng/cửa khẩu thuộc các miền năm 2020-04/10/2021 (tấn)

Vùng miền	2020				2021			
	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
Miền Bắc	34,739.2	30,984.9	34,999.4	36,649.6	29,970.5	31,508.1	33,508.1	1,767.2
Miền Trung	2,534.2	2,752.7	1,644.4	1,691.5	19.9	700.7	976.3	108.2
Miền Nam	45,089.3	33,728.8	43,796.2	31,627.3	20,546.9	22,601.7	25,823.6	1,682.2
Tổng	82,362.6	67,466.4	80,440.0	69,968.4	51,437.2	54,810.5	60,308.0	3,557.6

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 8. Lượng nhập khẩu thịt gia cầm đã qua giết mổ theo cảng/cửa khẩu thuộc các miền từ 01/01/2021-04/10/2021 (tấn)



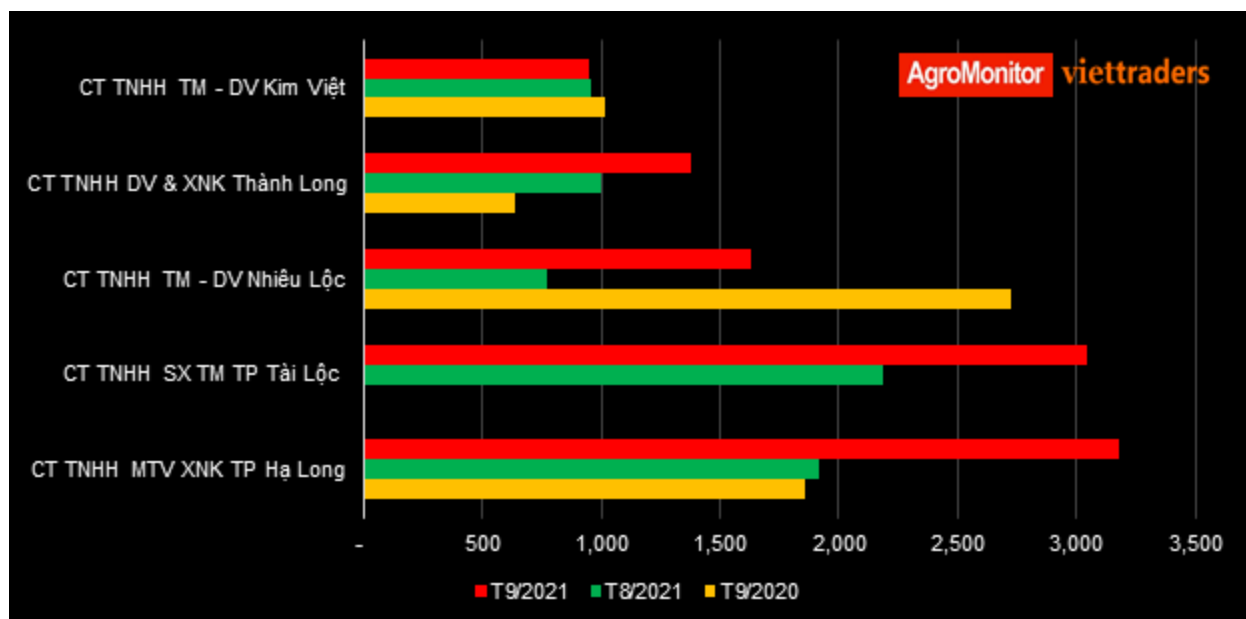
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 21. Top 5 doanh nghiệp nhập khẩu thị gia cầm lớn nhất về Việt Nam trong tháng 9/2021 (đvt: tấn,%)

Doanh nghiệp	Lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)
CT TNHH MTV XNK TP Hạ Long	3,178.5	13.7
CT TNHH SX TM TP Tài Lộc	3,044.7	13.1
CT TNHH TM - DV Nhiều Lộc	1,630.9	7.0
CT TNHH DV & XNK Thành Long	1,376.3	5.9
CT TNHH TM - DV Kim Việt	950.4	4.1
Khác	13,067.4	56.2
Tổng	23,248.2	100.0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Hình 9. Top 5 doanh nghiệp nhập khẩu thị gia cầm lớn nhất về Việt Nam trong tháng 9/2021 so với tháng 8/2021 và 9/2020 (đvt: tấn)



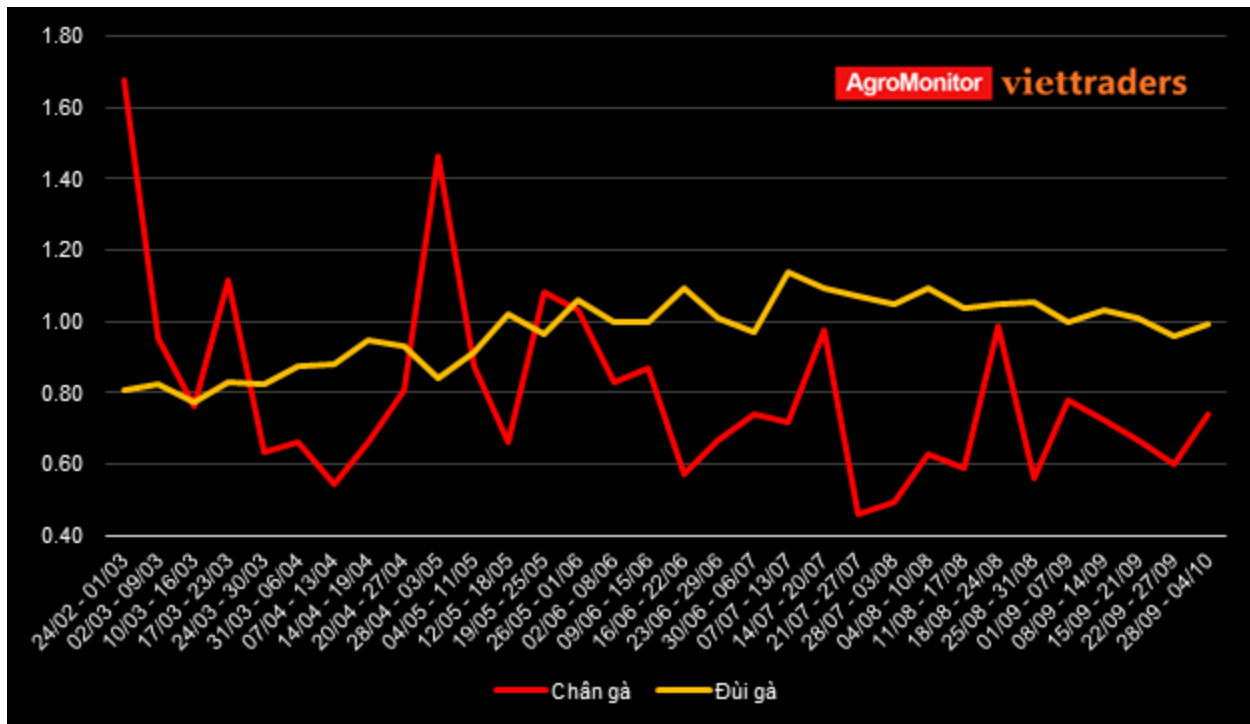
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng 22. Giá trung bình nhập khẩu một số chủng loại thịt gà theo tháng về Việt Nam 01/01/2021-04/10/2021 (ĐVT: USD/kg)

Tháng	Cánh gà	Chân gà	Đùi gà	Nguyên con	Thịt gà xay
1	1.77	0.78	0.80	0.98	0.53
2	2.15	0.90	0.81	0.97	0.54
3	1.81	0.83	0.81	1.18	0.49
4	1.68	0.75	0.90	1.20	0.49
5	1.73	0.93	0.95	1.24	0.54
6	1.68	0.73	1.03	1.07	0.60
7	1.80	0.67	1.06	1.23	0.57
8	1.66	0.64	1.06	1.33	0.65
9	1.53	0.70	0.99	1.45	0.60
10	1.69	0.73	1.01	1.11	

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: số liệu lấy theo ĐKGH là CIF)

Hình 10. Diễn biến giá nhập khẩu Chân gà và Đùi gà về Việt Nam theo tuần tính đến ngày 04/10/2021 (USD/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp (Ghi chú: số liệu lấy theo ĐKGH là CIF)

Bảng 23. Top 5 thị trường xuất khẩu thịt gà lớn nhất sang Việt Nam trong tháng 9/2021 (ĐVT: tấn, %)

Thị trường	Lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)
Mỹ	10,695.5	46.2
Hàn Quốc	3,512.8	15.2
Brazil	2,150.8	9.3
Ba Lan	1,224.6	5.3
Nga	1,060.6	4.6
Khác	4,497.3	19.4
Tổng	23,141.6	100.0

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp